

“Kiệu Bà”. Mỗi kiệu cũng có tám người khiêng và tám người dự phòng. Khiêng “Kiệu Ông” là nam thanh, còn khiêng “Kiệu Bà” là nữ tú. Tất cả đều ăn vận theo quy định truyền thống của thôn, đều trai giới hàng tuần trước ngày hội mở. Trên mỗi kiệu Bà, vì không có mái, nên có tàn che.

Tiếp theo là hai cỗ kiệu của làng Phù Lão gồm kiệu long đình và kiệu song hành. Kiệu long đình bày bài vị và chân nhang Đô Thiên Quảng Bác Đại Vương Nguyễn Sĩ. Còn kiệu song hành bày bài vị cùng chân nhang một nữ thần, trên có tàn che. Dân làng Phù Lão cũng gọi là “Kiệu Ông”, “Kiệu Bà”. Mỗi kiệu cũng có tám người khiêng, tám người dự bị, nam chưa có vợ khênh kiệu Ông, nữ chưa chồng khiêng kiệu Bà. Trang phục của họ cũng giống hệt trang phục các phu kiệu thôn Lương Đống.

Kế tiếp là kiệu của làng Trân Châu, cũng gồm kiệu long đình bày bài vị, chân nhang Hùng Định Đại Vương Nguyễn Minh, kiệu song hành bày bài vị nữ thần, gọi là “Kiệu Ông”, “Kiệu Bà”. Nam thanh khiêng kiệu Ông, nữ tú khênh kiệu Bà, mỗi kiệu tám người và tám người dự phòng, ăn vận theo quy định của làng.

Tổng số có tới mười kiệu trong một đám rước liên làng, liên thôn, khoảng cách từ kiệu nọ đến kiệu kia hơn chục mét, có nghi tượng xen kẽ giữa các cỗ kiệu.

Đi sau đội kiệu của làng Trân Châu là đội tế nam quan liên làng, liên thôn, vận trang phục đại trào, áo thụng, quần ống sớ để hộ giá. Rồi cuối cùng đến các quan viên, nam

phụ lão ầu của sáu làng thôn cộng lại. Đám rước đi đến đâu, trống chiêng, đàn sáo vang lừng đến đó, người đứng xem chật hai bên đường. Quảng đường từ thôn Lương Đống đến làng Phù Lão (điểm xa nhất) chỉ khoảng 2.000 mét, thì riêng đám rước đã chiếm gần 1.000 mét. Không phải chỉ có làng (xã) phủ Lý Nhân, mà ngay cả các làng (xã) Trân Sơn Nam xưa cũng hiếm có hội đình, hội đền có quy mô lớn đến thế. Không phải vô cớ mà người dân trang Tri Đoạt cũ tự hào vì đám rước mười kiệu của quê mình. Hội liên làng lớn và thiêng trọng cho nên những nam thanh nữ tú được chọn cử vác cờ, khênh kiệu rất lấy làm tự hào. Gia đình họ cũng vậy.

Trải qua một canh rươi (180 phút) diễu hành trên đường liên xã, đám rước kiệu liên làng, liên thôn về tới đình Lương Đống. Cai đám thôn ấy lại phải vất vả ổn định tổ chức để cuộc Đại tế có thể diễn ra sau đó. Trình tự tế lễ, các nghi thức và diễn xướng tế lễ đại thể cũng tương tự như cuộc tế thần ở những hội làng khác. Nghĩa là, về nghi thức, nó cũng có các công đoạn chính là:

1. Sơ hiến lễ, sau phần sơ hiến lễ, chủ tế (người thôn Lương Đống) đọc thần tích, sắc phong và đọc văn tế.
2. Á hiến lễ.
3. Chung hiến lễ – Lễ tât.

Âm phúc, thụ tội. Chủ tế nhận linh lộc Thành hoàng ban cho.

- Lễ tạ (chủ tế lạy bốn lạy).

Về thành phần tế lễ, đã nêu ở mục hoạt động chuẩn bị, không tiện nhắc lại. Điều cần lưu ý, đây là đội tế lễ liên hợp của bốn làng, thôn do một chức sắc của thôn Lương Đống làm chủ tế. Quá trình tế lễ có trống đại, chiêng làm nhịp và nhạc bát âm làm nền. Cùng với trang phục, động tác đi, đứng, lời xướng, âm thanh của trống, chiêng, của nhạc bát âm cũng khiến cho không khí cuộc tế lễ thêm trang trọng, nghiêm cẩn. Người dân xem tế lễ khá đông, song không có đàn bà, trẻ em. Họ được xem rước kiệu, được xem và tham dự các trò chơi, nhưng không được xem tế lễ. Đó là quy định bất thành văn của làng, thôn, ai cũng phải chấp hành, không có ngoại lệ.

Sẽ là thiếu sót, nếu bàn về hội đình liên làng, liên thôn Lương Đống – An Lạc – Phù Lão – Trần Châu – Khê Khẩu – Ngọc An mà không nói về lễ vật và ẩm thực. Trước năm 1945, cả sáu làng, thôn thuộc trang Trì Đoạt xưa, xã Kim Bình hiện nay, đều nằm trong vùng chiêm trũng, gần như quanh năm chỉ độc canh cây lúa nước. Đời sống người nông dân không giàu có gì, thậm chí còn nghèo khổ nữa. Nhưng đối với sự thần, họ không ngần ngại đóng góp tiền bạc, lễ vật để mở hội tôn vinh các vị Thành hoàng. Tùy từng năm mở hội cụ thể mà các làng sắm những lễ vật khác nhau, song “phần cứng” bao giờ cũng có tam sinh gồm thịt lợn, thịt dê, thịt gà. Đây được coi là những thực phẩm có giá trị của nông thôn, được chất lóc từ nền sản xuất tiêu

nông, được chế biến theo tinh thần cầu kỳ nhất, thanh tịnh nhất. Biểu hiện cho tính cầu kỳ và thanh tịnh ấy ở chỗ:

+ Cả ba con vật được nuôi bằng thức ăn sạch.

+ Trước khi bị đem đi giết thịt, cả ba con vật được một quan viên dùng chén rượu đã cúng thần hắt vào đầu tỏ ý thần đã chấp nhận lễ vật.

+ Sau khi bị giết thịt được chế biến sạch sẽ nhất, có thể.

Lễ vật được chế biến theo tinh thần cầu kỳ và thanh tịnh nhất, đó là điều đáng lưu ý rồi, nhưng chưa đủ. Lễ vật trong hội đình liên làng còn được chế tác theo quan hệ Âm Dương, Ngũ hành của triết học cổ phương Đông. Sỗ lợn đen ngậm đuôi, có trước có sau, có chung có thủy, mâm xôi sỗ lợn đem thiến, xôi trắng - Dương, sỗ lợn đen - Âm. Bánh chung – bánh dày cũng tuân thủ nguyên lý ấy. Âm Dương tác hợp, Ngũ hành chế hoá mới dẫn đến sinh sôi, nảy nở. Ý tưởng của người nông dân khi dâng lễ vật lên thần linh là như thế. Họ kỳ vọng với lễ vật ấy, tình cảm sùng kính và ước vọng của họ sẽ được thần linh chứng giám, âm phù cho được phong đăng hoà cốc, mùa màng bội thu, quốc thái dân an, người và của đều thịnh đạt. Ở góc độ tâm linh, có thể nghĩ đây cũng là một cách người nông dân “ nạp năng lượng thiêng ” vào đời sống nông nghiệp ít thuận lợi, nhiều khó khăn của mình.

Sau đại lễ tại đình Lương Đống người ta không tổ chức tiệc ẩm thực. Người ta chia lộc thần cho các làng, thôn. Đại

diện từng làng, thôn thay mặt toàn dân nhận lộc, đem về đình làng mình để các quan viên xử lý. Rồi các làng, thôn lần lượt rước kiệu làng, thôn mình về nơi xuất phát. Ở đây, họ tiếp tục tế lễ riêng và thực hiện các trò chơi, trò thi đấu thể thao – nghệ thuật cho đến hết ngày 11 tháng Hai âm mới đóng đám, kết thúc hội. Từng làng, thôn, cụ thể, sẽ tổ chức âm thực thụ lộc vào sáng 11, cả ở đình (cho các chức sắc, chức dịch), lẫn ở từng xóm (cho các đầu đình). Đương nhiên, các quan viên và các đầu đình cũng ngồi mâm theo thứ tự tuổi tác (kỳ lão, lão nhiêu, đình tráng), phẩm hàm (người có chức sắc – dù là chính danh hay chức mua, bạch đình). Sự phân biệt ấy có tính hợp lý nhất định trong công xã nông thôn Việt Nam thời xưa, đồng thời nó cũng góp phần làm cho làng (xã) thêm tri trật, bảo thủ. Thôn Lương Đông là quê cha của năm vị tướng họ Nguyễn cho nên chiều 10 cũng có tế lễ riêng tại đình. Ngày 11 thực hiện các trò chơi, trò thi đấu thể thao – nghệ thuật như cờ người, tổ tôm điểm, tam cúc điểm, vật dân tộc, đánh gậy, kéo co, nấu com thi, vật tay, bịt mắt bắt dê, bịt mắt đập niêu, chơi đu, nam nữ hát đối giao duyên ... Buổi tối 9 và 10 tháng Hai âm có diễn chèo ở sân đình.

Vì trò chơi, trò vui trong hội đình, hội đền sáu làng, thôn trang thuộc tri đoạt cũ đa phần giống nhau, nên chúng tôi chỉ chọn khảo tả, đánh giá một số trò chơi, trò thi đấu thể thao tiêu biểu.

### \* Trò vật tay:

Vật tay cũng là một môn vật thể thao nhưng khác xa về tính chất với vật dân tộc. Một đẳng chỉ thuần túy vật bằng tay, còn một đẳng vật bằng toàn bộ cơ thể. Một đẳng hầu như chỉ dùng sức tay, còn một đẳng thì huy động cả sức lực cơ thể lẫn trí tuệ, mẹo mực. Tham dự vật tay là những đình tráng khoẻ mạnh, không đại diện cho giáp nào cả vì thôn Lương Đông không có tổ chức giáp. Có thể hiểu họ đại diện cho chính bản thân mình.

Cách thức tổ chức vật tay đơn giản. Người ta cử ra một quan viên điều hành chung, ban giám khảo vốn là ba tay vật giỏi trước đây. Số người thi đấu không hạn chế, cứ hai người một cặp đấu. Các cặp đấu đều phải trải qua bốn vòng vật. Vòng thứ nhất đấu loại. Người thắng vòng loại được tham gia đấu vòng tranh giải Ba. Những người đạt giải Ba ghép thành cặp đấu vòng tranh giải Nhì. Cuối cùng, những người đạt giải Nhì đấu tiếp chọn giải Nhất.

Cách vật tay cũng không phức tạp. Hai đấu thủ cời trần, mặc quần dài, ngồi ghé đối diện nhau qua một cái bàn. Cả hai cùng phải đấu tay phải hoặc tay trái. Khi giám khảo hô “bắt đầu” thì hai đấu thủ mới dùng sức, để vật. Mỗi vòng vật ba keo. Nếu một trong hai đấu thủ thắng luôn hai keo đầu thì không cần vật keo thứ ba nữa. Còn nếu hai đấu thủ hoà hai keo đầu thì phải vật keo thứ ba để phân định thắng thua. Cả vòng đấu đều theo thể thức như thế.

Kết thúc bốn vòng đấu, ban giám khảo thay mặt làng (thôn) trao phần thưởng cho những đấu thủ đạt từ giải Ba trở lên. Phần thưởng chỉ là vài quan tiền, vài vuông lụa, giá trị vật chất không cao, chỉ mang tính tượng trưng là chính. Mặc dù vậy, đấu thủ đạt giải và gia đình họ cũng rất phấn khởi, tự hào. Họ hy vọng rằng năm đó bản thân và gia đình sẽ gặp nhiều may mắn. Trai chưa vợ hy vọng năm đó mình sẽ lấy được cô vợ đẹp, hiền thực đảm đang, vì gái nhà quê xưa rất có cảm tình với những khoá sinh nho học hoặc những lực điền trẻ. Vật tay ngoài mục đích rèn luyện sức khoẻ, có thể còn là một kiểu tái hiện xa xôi hình thức luyện gân cơ cho quân lính của năm vị tướng họ Nguyễn thời Hùng Vương. Đối với quân lính, đòi hỏi đầu tiên phải mạnh chân khoẻ tay thì mới giết được giặc dữ, bảo vệ được làng nước, quê hương.

#### *\* Trò bịt mắt đập niêu:*

Phải nói rằng, bịt mắt đập niêu là trò chơi có mặt trong nhiều hội làng ở phủ Lý Nhân xưa, mà hội đình thôn Lương Đông, làng Phù Lão, làng Trần Châu chỉ là một trong những trường hợp cụ thể.

Trò chơi này không kén chọn người chơi, từ già đến trẻ, cả nam lẫn nữ, ai cũng được quyền đăng ký tham dự. Mỗi người chơi được thực hiện đập niêu ba lần. Dụng cụ dùng cho trò đập niêu chỉ đơn thuần là ba cái niêu sành treo cao khoảng 5 thước ta, tương đương 2 mét tây, mỗi niêu đựng một thứ: tiền xu, nước lã, hoặc vuông lụa gấp nhỏ và một

chiếc gậy trúc dài khoảng 4 thước, tương đương 1,6m tây. Địa điểm diễn ra trò chơi là một góc sân đình. Điều hành là một quan viên, không có giám khảo như các trò chơi khác, bởi kết quả của việc đập niêu rất hiển nhiên, trước mắt mọi người đập gậy trúng niêu hay không, đập trúng niêu nào, phần thưởng là gì, ai cũng chứng kiến rõ ràng.

Diễn biến trò chơi như sau: khi vị quan viên điều hành hô “bắt đầu”, người chơi đứng cách chỗ niêu treo 10 mét, trong tình trạng bịt mắt, ngậm định hướng, rồi bước đều từng bước về phía trước. Áng chừng đã ở ngay phía dưới ba cái niêu, người chơi từ từ giơ cao gậy trúc, đập mạnh một nhát. Gậy đập trúng niêu tiền, người chơi được hưởng số tiền đó. Gậy đập trúng niêu lụa, người chơi được sở hữu số lụa đó. Còn nếu gậy đập trúng niêu nước, người chơi bị ướt cả người. Gậy đập vào không khí, có thể người chơi mất đà, ngã dúi và lại phải đập lại cho đến hết số lượt quy định. Trên thực tế, số người chơi thắng cuộc để nhận được phần thưởng rất hãn hữu. Có khi cả ba ngày hội, chỉ một vài người cầm que đập trúng niêu. Dù thế, trò chơi vẫn có sức lôi cuốn đông người xem. Cứ thế hết người này lại đến người khác vào chơi.

#### *\* Đấu gậy:*

Hội đình Lương Đông xưa, theo cụ Nguyễn Hữu Ái 80 tuổi, có trò đấu gậy giữa các đình tráng vào chiều 9 tháng Hai âm hoặc sáng 11 tháng Hai âm, tùy từng năm. Trò chơi,

trò thi đấu gậy tuy không thật phổ biến như trò vật tay và trò bịt mắt đập niêu, song cũng xuất hiện ở một số hội làng như hội đền Ba Dân, hội đình Phú Viên, hội đình Do Lễ (sẽ khảo luận trong công trình “Hội làng cổ truyền tỉnh Hà Nam” (tập II). Đấu gậy là đấu bằng gậy tre (Nam bộ gọi là tầm vông) giữa hai thanh niên son trẻ với nhau, theo tư cách cá nhân dòng họ, chứ không theo giáp bởi theo các bậc cao niên thôn Lương Đống, trước năm 1945 thôn họ không có tổ chức giáp? Cũng có thể hiểu là cứ hai thanh niên ghép thành mỗi cặp, đấu tự do.

Dụng cụ đấu là một đoạn gậy tre đực, dài cỡ 1.6 mét tây, các đốt giống đều vót nhọn. Hai đầu thủ đứng quay mặt vào nhau, mỗi người đều cầm một cây gậy tre dài cùng cỡ. Người đánh, kẻ đỡ và ngược lại. Tất cả các miếng đánh miếng đỡ đều được vận dụng từ 18 ban võ nghệ cổ truyền, nhưng chỉ dừng lại ở mức biểu diễn, chứ không đánh, đỡ thật như ngoài mặt trận. Nhiều khả năng đây là hèm tái hiện hoạt động luyện quân, chuẩn bị ra trận của năm vị tướng họ Nguyễn thời xưa. Vì là đấu gậy biểu diễn, cho nên đầu thủ không mặc quần đùi, cởi trần như các đô vật, mà vận trang phục giống lính thú: đội nón dẫu, mặc áo nẹp, thắt lưng bó que, chân quấn xà cạp. Trang phục ấy gợi lên trong lòng khán giả cảm thức mơ hồ về một thời xa xưa có vua Hùng, có các Lạc Hùng, Lạc Tướng, có năm vị tướng họ Nguyễn cùng sát cánh đánh giặc. Hiện tại gợi nhớ quá khứ và quá khứ soi mình trong hiện tại. Trò đấu gậy tuy không đối kháng gay gắt như đấu vật (đánh vật), nhưng vẫn lôi cuốn đông người xem.

### \* *Múa lân:*

Sau trò đấu vật, đấu cờ tướng (hoặc cờ người), thì múa lân cũng là một trò vui có mặt trong nhiều hội làng, mà hội đình Lương Đống chỉ là một thí dụ. Trò múa lân, xét nhiều phương diện, cũng là trò nghi lễ – nghệ thuật – thể thao. Gọi là như thế, vì đôi khi nó được trình diễn ngay trong đám rước kiệu (tùy từng năm mở hội cụ thể), sau đấy nó lại được trình diễn vào các buổi khi không có tế lễ, cùng với nhiều trò chơi khác.

Đầu lân được chế tác bằng một thứ nguyên liệu quen thuộc, đó là tre, trúc, giang, giấy bản nhuộm màu, giấy trang kim. Người tham gia múa lân có một nam thanh niên mặc áo lụa đỏ, đeo mặt nạ chú Tễu, chân quấn xà cạp, tay cầm một “chùy” đồng cũng bằng cật tre đan, dán giấy màu. Một đình tráng đội đầu lân, hơn chục người khác làm nhiệm vụ múa thân lân. Cầm nhịp là một đàn trống, mõ do một thủ hiệu chỉ huy. Người đeo mặt nạ là chú Tễu, tay cầm chùy đồng vờn trước đầu lân. Và đầu lân cũng vờn lại. Suốt thời gian diễn trò, đầu lân và chú tễu vờn nhau, lờ miếng nhau, uyển chuyển và sôi động. Người lớn, trẻ em xem đông như kiến. Thiếu trò múa lân, hội làng không có được cái không khí mà thành ngữ dân gian tổng kết “vui như hội”. Cũng có năm, hội đình Lương Đống diễn trò múa long – li (lân), gọi là Nhị Linh. Long – Li vờn múa nhau, với chú tễu, rất nhộn và đẹp mắt.

Có người hiểu múa lân là múa sư tử. Theo chúng tôi, lân hay kỳ lân là sản phẩm của trí tưởng tượng của người nông

dân, không phải là con vật có thực. Người nông dân sáng tạo ra con lân (li), cũng như sáng tạo ra con long, là cách cầu may cầu phúc, cầu lộc, cầu tài. Con lân rất gần với tâm lý cầu thịnh của các cư dân lúa nước.

### \* *Đấu cờ Người:*

Hầu như hội làng nào có phủ Lý Nhân xưa, tỉnh Hà Nam nay cũng có trò đấu cờ Người. Nó phổ biến đến mức không có nó, người ta cứ có cảm giác thiếu một cái gì đó. Đấu cờ Người thường diễn ra vào những lúc không rước xách, không tế lễ. Tham gia đánh cờ chủ yếu là các quan viên, như bô lão, trung niên, đôi khi có cả thanh niên. Còn đóng vai quân cờ là 16 nam thanh, 16 nữ tú, mặt mày dễ coi.

Khoảng dăm ngày trước khi thôn vào đám, các quan viên cho lập bàn cờ ngay trước sân đình. Bàn cờ hình chữ nhật, chiều dài 9 mét tây, chiều rộng 8 mét tây, chia đều thành 72 ô vuông, mỗi bên có 4 lỗ tròn, đối xứng nhau qua 8 ô chạy liền thành đường sông. Mỗi ô có 4 lỗ ở 4 góc, dưới chân một ống nửa dùng để cắm quân cờ. Các đường ngang, dọc tạo ra 72 ô kẻ bằng vôi trắng.

Về lễ lối và quy cách thi đấu: quân cờ có 32, trong đó có 16 quân đỏ (Dương), 16 quân trắng (Âm), chia làm hai bên. Mỗi bên đều có tướng (1), sĩ (2), tượng (2), xe (2), pháo (2), mã (2) và tốt (5). Quân cờ được làm bằng mảnh gỗ vuông (hoặc tròn), một mặt viết chữ Hán, một mặt gắn với cán gỗ hình tròn, cao khoảng 1 mét. Quân đỏ do 16 nam thanh sắm

vai, quân trắng do 16 nữ tú sắm vai, hình thành các cặp đối xứng. Quân đỏ do một tướng Ông mặc giáp trụ đỏ, mũ đỏ, chân đi hia, trông oai phong, chỉ huy. Quân trắng do một tướng Bà mặc giáp trụ trắng, chít khăn trắng, đi hài trắng, chỉ huy. Đấu cờ có hai kỳ thủ, mỗi kỳ thủ một bên. Một quan viên giỏi cờ làm trọng tài. Ngoài ra, còn có hai người trung niên tay cầm trống bỏi và thanh la. Họ có nhiệm vụ nếu thấy bên nào nghĩ lâu, đi nước chậm, thì đánh trống và thanh la âm ỉ lên để thúc giục. Kỳ thủ không có bản lĩnh, dễ rối loạn tinh thần, dễ thua cuộc.

Quy ước đấu cờ tướng rất rõ: nếu đông kỳ thủ tham dự thì tất cả phải đấu vòng khảo chọn, để loại bớt những người kém đi. Số còn lại bốc thăm ghép cặp đấu vòng tròn. Mỗi cặp phải đấu ba ván. Nếu một bên thua cả hai ván đầu thì quyết định ngay thắng bại, không phải đấu ván thứ ba nữa. Ván thứ ba chỉ được tiến hành khi hai ván đầu hoà hoặc mỗi người thắng một ván. Nếu ván thứ ba hoà thì đánh tiếp ván thứ tư để định rõ thua thắng. Ai thắng ở vòng đấu thứ nhất (không tính vòng khảo chọn) sẽ được vào đấu vòng hai. Ai thắng vòng hai sẽ vào vòng bán hết. Ai thắng vòng bán hết sẽ vào vòng tranh giải Ba. Những kỳ thủ giải Ba đấu tiếp giành giải Nhì. Hai kỳ thủ giải Nhì sẽ vào vòng đấu tranh giải Nhất.

Theo lệ, những kỳ thủ đạt từ giải Ba trở lên, tùy theo mức giải cụ thể, sẽ được thôn trao giải thưởng. Và giải thưởng ở đây cũng không lớn, chỉ là vài quan tiền, vài vuông lụa, chỉ có ý nghĩa tượng trưng là chính. Trước khi đấu cờ, sau

khi đấu cờ, tất cả các kỳ thủ đều phải theo trọng tài vào toà Bái đường lễ Thành hoàng. Mặc dù giải thưởng không lớn, nhưng những kỳ thủ đoạt giải và gia đình họ cũng rất phấn khởi, tự hào, tin là trong năm sẽ gặp nhiều may mắn. Không chỉ các kỳ thủ đạt giải mà cả những nam thanh, nữ tú được chọn vào làm quân cờ cũng cảm thấy vinh dự lớn. Phải là người mặt mũi dễ nhìn, tư cách tốt mới được chọn làm quân cờ, đấu phải ai cũng được chọn vinh dự ấy.

Đấu cờ người thực sự là một đấu trí. Chỉ đi sai một nước, kỳ thủ dễ bị thất bại. Vì thế bao nhiêu chiến lược, chiến thuật kỳ thủ đều sử dụng tối đa. Nào là thế mã giao chân. Nào là thế pháo đầu, xe đâm chọc. Nào là thế pháo nách. Rồi thế tốt nhập cung, thế pháo trông, pháo lặn, pháo lồng... Tất cả đều được huy động tổng lực để chiến thắng đối phương. Cho nên đấu cờ là một cách rèn luyện trí óc tinh táo, phản ứng nhanh nhạy, linh hoạt, đặc biệt là biết tận dụng thời cơ

*Lỡ nước hai xe đành bỏ phí*

*Gặp thời một tốt cũng thành công*

*(Hồ Chí Minh)*

Người chơi cờ không biết tận dụng thời cơ thì không bao giờ là một kỳ thủ siêu hạng cả. Cổ nhiên, ngoài mục đích rèn trí óc, rèn bản lĩnh, đấu cờ còn mang tính chất giải trí. Sau một năm lao động miệt mài, người ta cũng có nhu cầu gặp bằng hữu qua ván cờ để tiêu khiển, giải toả tinh

thần. Đấu phải ai đánh cờ người cũng cay cú chuyện thắng thua? Đấu phải ai cũng đặt cược danh dự cá nhân vào ván cờ người cụ thể, dù đó là ván cờ thi đấu trong hội làng?

Nhà văn hoá Toan Ánh, trong cuốn “Nếp cũ hội hè đình đám” (Quyển Hạ), Nhà in Sao Mai, Thủ Đức 1974, mục “Hội Bạch Hạc”, có nêu một số làng (xã) lớn ở Bắc bộ, khi tổ chức đấu cờ người, trong hội làng, nam nữ đóng quân cờ mang theo khí giới (gươm, giáo, đao, thương), trông oai vệ. Khi quân nọ ăn quân kia, quân cờ ăn sẽ múa một thế võ như hạ quân cờ khi ăn, y hết hát bội. Về kiểu diễn xướng này, chúng tôi nhận thấy hiện diện trong trò đấu cờ tướng ở hội đền Trần Thương, ngoài ra không thấy có ở hội làng nào khác thuộc phủ Lý Nhân, kể cả ở hội đình liên làng, liên thôn Lương Đống – An Lạc – Phù Lão – Trần Châu – Khê Khẩu – Ngọc An. Dẫu vậy, trò đấu cờ người cũng vẫn có sức lôi cuốn khán giả và góp phần làm cho hội làng thêm đông vui.

*\* Hát giao duyên nam nữ:*

Vào buổi tối ngày 9 tháng Hai âm, ở các làng Trần Châu, Khê Khẩu, Ngọc An, Phù Lão có hát giao duyên nam nữ, ở cửa đình, trước là để thờ thần, sau là để giao lưu tình cảm giữa những người đang độ tuổi thanh xuân.

Tham dự hát giao duyên là những chàng trai chưa vợ, cô gái chưa chồng, gọi là nam thanh, nữ tú. Họ vốn là những người cùng làng, thậm chí cùng xóm nhưng ngày thường phải lo chuyện đồng áng, chợ búa, lại bị ràng buộc bởi đạo

đức phong kiến “nam nữ thụ thụ bất thân”, cho nên gần mà như xa, quen mà như lạ. Chỉ vào những ngày hội làng, họ mới có dịp được gặp gỡ, trao đổi, tâm tình.

Thể thức hát như sau: nam một bên, nữ một bên, đối diện nhau, hát đố hoặc hát nối các làn điệu dân ca quen thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng, như làn điệu cò lả, sa mạc, trống quân. Bên nữ cử người hát trước, bên nam hát sau và ngược lại. Nội dung của các câu ca, thường xoay quanh hỏi đáp về địa danh, về thiên nhiên, về tình cảm lứa đôi, ước vọng ngày mai. Cũng có khi đó là những lời hỏi đáp hoặc trần tình về tình cảm vợ chồng, về đạo hiếu với các bậc sinh thành, dưỡng dục.

Cuộc hát giao duyên có khi đến tận khuya mới kết thúc. Nam nữ thanh niên ra về, lòng thầm hẹn đến hội làng năm sau...

#### *\* Diễn chèo:*

Tới 9 và 10 tháng Hai âm, đình thôn Lương Đống có diễn chèo, vừa để thờ thần, vừa để góp vui cho dân thôn. Diễn viên là người địa phương, cũng có khi mời phường chèo làng Phương Xá về biểu diễn giao lưu. Những vở chèo thường được diễn là “Quan Âm Thị Kính”, “Trương Viên”, “Tám Cám”, “Tôn Mạnh – Tôn Trọng”, “Suý Vân”. Có năm thôn mời phường chèo ông Trùm Cát ở Động Xá về diễn. Khách giả, ngoài dân thôn còn có các chức sắc, chức dịch. Trong khi các diễn viên thủ vai, có các vị tiên chỉ, thứ chỉ ngồi xem. Tới đoạn diễn viên thể hiện hay các

vị đánh trống chầu báo có thưởng. Càng hát mùi mẫn, càng diễn xuất hay thì càng được thưởng nhiều tiền hơn...

#### *\* Vật dân tộc:*

Giống như nhiều hội làng khác ở đồng bằng Bắc bộ, hội đình liên làng liên thôn Lương Đống – An Lạc – Phù Lão – Trần Châu – Khê Khẩu – Ngọc An có trò đấu vật. Trò này được tổ chức ngay ở sân đình các làng, thôn vào những lúc không có nước xách, tế lễ, lời cuốn đông khán giả. Thành phần tham gia gồm các đình tráng, trung niên trong thôn xã, không mở rộng đến các đô khác làng. Vật dân tộc ở đây, về thể thức và giải thưởng, cũng giống các nơi khác, không có quy định riêng.

Sau ba ngày tiến hành một cách trọng thể sôi động, ồn ào, xô bồ, hội đình liên làng, liên thôn Lương Đống – An Lạc – Phù Lão – Trần Châu – Khê Khẩu – Ngọc An thuộc trang Tri Đoạt xưa kết thúc vào chiều muộn ngày 11 tháng Hai âm. Dân các làng, thôn theo lệ vào gian giữa toà Bái đường lễ tạ Thành hoàng, vãn hội, đóng cửa đình. Nhịp sống thôn quê trở lại bình thường với nhiều nỗi lo toan bình dị. Nhưng dư âm của hội làng, nhất là dư âm đám rước 10 kiệu hôm 10 tháng Hai âm thì vẫn còn ám ảnh tâm trí người dân đến vài tháng chưa thôi. Ai cũng mong đến kỳ hội làng năm sau để được xem đám rước thần 10 kiệu đông vui, huyên náo, xô bồ, để được tắm mình trong không khí thiêng trọng của quê hương...



## HỘI ĐÌNH PHƯƠNG LÂM

*Bao giờ Đồng Lạc có đình*

*Phương Lâm có hát thì mình lấy ta*

Câu ca dao không rõ được tác giả dân gian sáng tạo và lưu truyền từ bao giờ, đã hàm chứa hai thông tin. Thứ nhất, làng Đồng Lạc không có đình thờ Thành hoàng, mà chỉ có đền thờ thần, chùa thờ Tam Bảo, vẫn chỉ thờ Khổng Tử. Thứ hai, làng Phương Lâm cùng xã Đồng Hoá với làng Đồng Lạc có đình thờ Thành hoàng, hội đình mỗi năm mở một lần song không có hát tuồng, hát chèo, hát ca trù, hát giao duyên như hội đình các làng khác. Vì sao hội đình Phương Lâm không có hát? Để hiểu ngọn nguồn điều này, không có con đường nào khác là phải khảo sát diễn trình hội đình làng Phương Lâm như nó vốn có lâu nay.

Hội đình Phương Lâm được định kỳ tổ chức hàng năm nhằm tôn vinh và tri ân công lao phò tá Thái úy Lý Thường Kiệt – vị Nguyên soái triều Lý, đánh đuổi giặc Tống ở phía Bắc, bình định giặc Chiêm Thành quấy phá biên ải phía Nam, bảo toàn bờ cõi Đại Việt, của hai vị tướng họ Hoàng là Hoàng Đình Độ, Hoàng Đình Thụ (còn có danh xưng khác là Hoàng Đình Ái), qua đó gửi gắm ước mong quốc thái dân an, mùa màng tươi tốt, nhân khang vật thịnh.

Hành trạng và lai lịch của các vị thần được thờ phụng ở đình và đền làng Phương Lâm như sau: cách đây gần một

ngàn năm, vào đời vua Lý Nhân Tông trị vì, ở làng Phương Lâm, tổng Nhật Tựu, huyện Cổ Bảng, châu Lý Nhân, lộ Hoàng Giang có người thực nữ tên là Phùng Thị Cát, đẹp người đẹp nét, nhất mực đoan trang. Thực nữ Phùng Thị Cát kết duyên cùng một trai tráng tên là Hoàng Nghĩa, quê tận huyện Khoái Châu, lộ Hoàng Giang, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Hai vợ chồng ăn ở hoà thuận. Được vài năm thì họ sinh một con gái đầu lòng, đặt tên là Hoàng Thị Chân. Song từ đó đến chục năm sau, hai vợ chồng vẫn chưa sinh được con trai nối dõi tông đường, nên rất buồn phiền. Một ngày kia, theo lời mách bảo của người già, hai vợ chồng ông bà Hoàng Nghĩa – Phùng Thị Cát đem lễ vật đến chùa Vân Mộng xin cầu tự. Lời cầu xin tha thiết, chân thành của hai ông bà đã thấu đến Cửu trùng, được Trời Phật chứng quả. Đêm hôm ấy, bà Cát nằm mơ thấy một vị thần từ trên trời xuống, xưng là sứ giả của Ngọc Hoàng. Vị sứ giả nói vâng lệnh Cửu trùng đem hai tiên đồng xuống đầu thai làm con của hai ông bà. Quả nhiên, sau thời gian đó, bà Cát có thai. Đến năm Giáp Ngọ thì sinh được hai con trai, diện mạo khôi ngô, tuấn tú. Vợ chồng ông Nghĩa mừng lắm, liền đặt tên cho đứa con trai lớn là Hoàng Đình Độ, đứa con trai nhỏ là Hoàng Đình Thụ. Lớn lên, hai anh em sinh đôi đều tỏ ra thông minh, học giỏi, tứ thư ngũ kinh đều thuộc lầu. Hơn thế, họ còn giỏi võ nghệ, hiểu binh pháp Tôn Tử. Kịp khi vua cho mở khoa thi Minh Kinh, cả hai anh em đều dự thi và đỗ cao, được triều đình bổ làm quan.

Thời bấy giờ, nước ta đã giành được độc lập, nhưng vua tôi nhà Tống bên Trung Quốc vẫn có ý đồ thôn tính, bắt dân Nam ta phải cam chịu kiếp nô lệ. Vua Tống sai hai võ tướng là Thẩm Khôi và Lư Di tới Ung Châu – thủ phủ tỉnh Quảng Đông, lo thu gom khí giới, lương thảo, xe cộ, chuẩn bị khởi binh đánh chiếm Đại Việt. Trước tình thế đó, Thái úy Lý Thường Kiệt xin vua cho thống lĩnh đạo quân tinh nhuệ, bất ngờ công phá dữ dội các thành Ung Châu, Liên Châu, Khâm Châu, diệt ý đồ xâm lược của kẻ địch từ trong trứng nước. Tham gia đội quân xung kích của Lý Thường Kiệt, có cả hai anh em Hoàng Đình Độ, Hoàng Đình Thụ với chức vụ Tả tham quân, Hữu tham quân. Trong cuộc ra quân này, cả hai viên tướng họ Hoàng đều lập công lớn. Chinh Bắc thắng lợi, khi hồi quân về nước, quân đội nhà Lý trong đó có hai anh em Hoàng Đình Độ, Hoàng Đình Thụ được vua khao thưởng rất trọng hậu.

Khi quân nhà Tống do Quách Quỳ chỉ huy hùng hổ kéo vào nước ta, tình thế lâm nguy, hai anh em Hoàng Đình Độ, Hoàng Đình Thụ lại phò tá Lý Thái úy tổ chức phòng tuyến ở bờ hữu sông Như Nguyệt. Vâng lệnh Lý Thường Kiệt, hai anh em họ Hoàng nhiều lần chỉ huy các đội quân cầm tử vượt sông đánh phá dữ dội vào doanh trại quân Tống, khiến chúng nhốn nháo, lo sợ.

Đã thế, quân Tống lại ốm đau nhiều do không hợp khí hậu. Tướng giặc là Quách Quỳ phải xin giảng hoà, rút quân về nước. Đại Việt trở lại yên bình. Theo lời tấu của Lý

Thường Kiệt, hai vị tướng họ Hoàng được vua ban thưởng rất trọng hậu. Hoàng Đình Độ được vua gia phong tước vị “Đông Bạng Hùng trấn tướng quân”. Hoàng Đình Thụ được vua gia phong tước “Đông Bạng Hùng uy tướng quân”. Vua còn ban cho hai vị tướng nhiều vàng, bạc, châu báu, lại cho xe, ngựa về quê thăm viếng tổ tông. Thăm quê nội xong, hai vị tướng lại về thăm quê ngoại, dù song thân đã qua đời cả. Thấy phong cảnh quê ngoại, dân thôn chăm chỉ đồng áng, phong tục thuần hậu, hai vị tướng bỏ tiền bạc ra mua đất làm trang trại, dựng dinh thự làm nơi đi về nghỉ ngơi và làm chỗ hương hoá về sau. Đồng thời các ngài cũng xuất tiền của ra giúp dân tu sửa đường xá, khuyên dân phải chú trọng nghề nông tang.

Nhiều năm tiếp theo, mặc dù đã luống tuổi, nhưng hai tướng họ Hoàng vẫn cùng chị gái là Hoàng Thị Chân tham gia đạo quân Nam chinh, tiêu trừ giặc Chiêm Thành quấy phá vùng biên ải. Nhờ nghe theo diệu kế “điệu hổ ly sơn” của hai tướng họ Hoàng và của bà chị Hoàng Thị Chân, quân nhà Lý do Lý Thường Kiệt thống lĩnh đã đánh tan quân Chiêm, khôi phục lại đất đai ba châu là Bố Chính, Đại Lý, Ma Linh, tức là vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh hiện nay. Chiến công ấy khiến vua Lý rất hài lòng. Tất cả các tướng sĩ tham gia chiến đấu với quân Chiêm ở vùng biên ải phía Nam đều được vua phong thưởng. Hai vị tướng họ Hoàng được phong tước Hầu. Bà Hoàng Thị Chân chị gái của hai vị tướng cũng được vua ban thưởng lớn.

Về sau, khi hai ông tướng họ Hoàng và bà Hoàng Thị Chân trăm tuổi, quy tiên, dân làng Phương Lâm thương tiếc và nhớ ơn. Họ lập ba ngôi đền thờ, bốn mùa đèn nhang cúng bái. Riêng ông Hoàng Đình Thụ, từ tuổi trung niên trở đi, đã quy y Tam Bảo, cho nên ngoài thờ ở đền, dân chúng còn thờ ông ở chùa nữa. Khi làng có đình, dân chúng thờ hai ông ở đây làm Thành hoàng, hàng năm mở hội kỷ niệm ngày sinh ngày hoá của các vị thần với nghi thức trang trọng nhất. Nguồn gốc hội đình làng Phương Lâm là như thế.

Làng Phương Lâm, nơi có đền và đình thờ hai viên tướng họ Hoàng và bà Hoàng Thị Chân, xưa có tên gọi là Hoa Lâm, lại có tên gọi khác là Mộc Kiều, thuộc tổng Nhật Tựu, huyện Cổ Bảng, châu rôi phủ Lý Nhân, lộ Hoàng Giang, nay thuộc xã Đồng Hoá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Phía nam giáp làng Đồng Lạc, phía Bắc giáp làng Nhật Tân, phía Đông giáp làng Chanh Thôn, phía Tây giáp làng Phương Xá. Đây là một làng cổ, có thể hình thành cách đây hàng ngàn năm với nghề canh tác cây lúa nước, một trong nhiều làng chiêm trũng, thuần nông của huyện Kim Bảng. Như nhiều làng quê khác ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ, làng Phương Lâm mặc dù đã trải qua nhiều biến thiên lịch sử, song vẫn còn lưu giữ bên trong cả một kho tàng văn hoá dân gian bao gồm phong tục, tập quán, lối sống, hội hè, tôn giáo, tín ngưỡng, ẩm thực... Chỉ riêng về lễ hội, trong một năm âm lịch, làng Phương Lâm đã có tới vài hội lễ, như hội đình, hội chùa, hội đền, lễ hạ điền, lễ thượng điền. Ở đây, do mục đích, tính chất công trình quy

định, tác giả chỉ tập trung khảo sát hội đình của làng này thôi. Những thành tố khác sẽ được tìm hiểu, khảo sát sau, khi có điều kiện.

Hội đình Phương Lâm được dân làng tổ chức vào sáu ngày xuân, từ đầu tháng Giêng. Trong đó, ngày 9 khai hội với các nghi thức lễ xin mở hội, lễ rước nước, lễ mộc dục, chông kiêu, kéo cờ đại; ngày 10 đến ngày 13 chính hội với các nghi thức rước kiệu, tế lễ, các trò chơi, trò thi đấu thể thao – nghệ thuật; ngày 14 lễ tạ, vãn hội, đóng cửa đình. Trừ hoạt động rước kiệu, còn hầu hết các hoạt động khác của hội đều diễn ra trong khuôn viên đình làng. Thời gian và không gian hội như thế, tạm hiểu là thời gian và không gian “thiên”. Đại thể là như vậy. Nhưng năm nào mùa màng thất bát, dân làng cũng mở hội đình, song chỉ là hội lệ, quy mô nhỏ bé, nhiều nghi thức bị lược đi cho phù hợp với hoàn cảnh.

Đình Phương Lâm quy mô không đồ sộ, do nằm trong khuôn viên không lớn lắm. Điều này dễ hiểu, vì đình không thể quá lớn trong không gian chiêm trũng, đất chật người đông, Quan sát trực tiếp, sẽ thấy đình Phương Lâm được bố cục hình chữ “Nhị” (=) gồm toà Bái đường 5 gian, toà Hậu cung ba gian, ngoảnh hướng Tây. Gian giữa toà Bái đường đặt hương án, hai bên tả, hữu có giá đỡ bày chấp kích, bát bảo. Gian bên tả để kiệu song hành, kiệu song loan. Toà Hậu cung xây bệ thờ, trên có đặt bài vị, long ngai, thần tích, thần sắc của hai vị Thành hoàng. Nơi đây, cả

ngày thường lẫn ngày hội, chỉ những người có trách nhiệm mới được phép ra vào. Phía mặt tiền của đình, cách một cái sân lát gạch Bát Tràng và một đường liên thôn, có một gò đất cao, gọi là “Nấm bái tướng”. Cạnh lối đi vào đình, có một cái giếng tròn, thành tường bao cao khoảng một thước, nước trong vắt. Do sân đình không rộng lắm, nên không thấy đắp hòn non bộ, biểu tượng Dương, để đối xứng với giếng đình biểu tượng Âm, như vẫn thấy ở các di tích khác.

Muốn hội đình (đồng thời cũng là hội làng) diễn ra suôn sẻ, thành công, dân làng, dưới sự chỉ dẫn của các chức sắc, chức dịch, phải có hoạt động chuẩn bị. Chuẩn bị càng kỹ thì hội làng thành công càng lớn. Có nhiều việc vẫn chuẩn bị chu đáo như tiền bạc, lương thực, thực phẩm, sửa chữa hoặc sắm mới kiệu, cờ quạt (nghỉ trượng), nghi vê (chấp kích, bát bảo), đồ khí tục, tập tế lễ, tập đánh trống nước, lễ vật... Về tiền bạc, các chức sắc, chức dịch thu góp theo đầu giáp, đầu đình, thu theo sản lượng ruộng tự điền, bán chức danh, tiền công đức do cá nhân cúng vào đình. Nói chung, hoạt động chuẩn bị cũng giống như các làng xã khác trước khi vào đám. Tất cả những chuẩn bị đó đều đảm bảo yêu cầu “thiên” hoá.

Sáng 5 tháng Giêng, tức cách bốn ngày trước khi làng mở hội, các chức sắc, chức dịch làm lễ xin mở hội. Chủ lễ thường là tiên chỉ hay thứ chỉ, phụ việc có dăm bảy quan viên. Lễ vật gồm vàng hương, dầu rệu, xôi gà, hoa quả. Lễ xong, chủ lễ xin âm dương đoán ý thần bằng cách gieo

hai đồng chinh trên mặt đĩa. Thủ tục này là cần thiết đối với dân làng.

Ngày 9 tháng Giêng, ngày khai hội. Từ sáng tinh mơ, nhiều chức sắc, chức dịch, nam nữ thanh niên đã có mặt ở đình. Trong ngày này, người ta phải thực hiện mấy việc lớn, đó là lễ rước nước; lễ mộc dục; dựng cờ thần trước sân đình, chông kiệu. Lễ rước nước được tiến hành trước tiên. Dưới sự chỉ huy của một quan viên, có khi là chánh hội, ba đình tráng sơn trẻ, chưa vợ, hai người khiêng một cái ché sứ bọc giấy hồng, một người cầm lọng che trên, ra giếng đình lấy nước. Tới cửa giếng, vị quan viên đặt lễ với hương đăng, trầu cau, xôi gà, hoa quả, làm rằm khăn vái, xin lấy nước. Lễ xong, vị quan viên ra hiệu cho tốp đình tráng lần theo các bậc đá, xuống giếng. Đến bậc đá thấp nhất, một đình tráng dùng gáo dừa múc từng gáo đổ vào ché sứ. Khi đủ nước, cả tốp thận trọng khiêng ché nước về gian giữa của toà Bái đường, đặt trước hương án. Nước đó dùng để làm lễ mộc dục và để cúng trong 6 ngày hội.

Chiều cùng ngày, các quan viên làm lễ mộc dục. Chủ lễ do tiên chỉ hay thứ chỉ đảm nhiệm. Người ta khoan thai, thận trọng múc 5 gáo nước từ cái ché sứ, đổ vào nồi đồng đã có sẵn năm vị hương liệu, cho người đem đun sôi thành nước Ngũ vị. Ngai chủ lễ dùng chổi lông gà sớt thiến nhúng vào nước Ngũ vị, vẩy năm vẩy vào long ngai, bài vị của thần. Lại có mấy quan viên dùng các tấm lụa điều còn mới nhúng vào nước Ngũ vị, rồi lau chùi long ngai, bài vị

một cách tỉ mỉ, gượng nhẹ, cẩn trọng. Đây được hiểu là hình thức tắm rửa tắm rửa cho thần, khi vào hội. Khoảng nửa canh giờ thì công việc hoàn tất. Vải lụa lau thần vị, long ngai không vớt đi mà xé nhỏ làm nhiều mảnh chia cho các trưởng giáp đem về chia cho những nhà có trẻ con, làm khước, kỵ tà ma, quý quái. Nước rửa long ngai, thần vị, đồ khí tự cũng không đem đi, mà sẽ được các đình tráng đem đổ vào ruộng cây lúa, hoặc đổ xuống ao, ngụ ý cầu mong lúa tốt, cá nhiều. Nước ấy là nước “thiên” theo suy nghĩ hồn hậu của người nông dân.

Trong khi các quan viên làm lễ rước nước và lễ mộc dục, thì ở sân đình, các đình tráng chõng kiệu, tết vải lụa xanh hay đỏ cho từng cỗ kiệu, để trông đẹp mắt và cũng để cho nó khỏi rơi gãy trong khi rước. Cùng lúc ấy, một tốp đình tráng dựng cờ thần ở sân đình, chính thức hoá thời điểm mở hội làng. Thời gian 6 ngày hội mở ở đình từ đây được ngầm hiểu là thời gian và không gian “thiên”.

Ngày 10 tháng Giêng, làng Phương Lâm tổ chức rước kiệu. Cùng với nghi thức tế lễ, nghi thức rước kiệu là một trong những đầu việc quan trọng nhất của dân làng khi mở đám. Lộ trình đám rước được thực hiện như sau: sáng sớm, dân làng đã có mặt đông đủ ở sân đình. Cơ nào, đội ấy chỉnh tề. Cai đám dùng loa để nêu lộ trình và trình tự đám rước, đội nào trước, đội nào sau, hiệu lệnh trống chiêng ra sao.

Đúng giờ lành, đám rước bắt đầu khởi hành. Như đã quy ước, dân làng chia làm hai toán, một toán rước kiệu đi về phía đền bà Hoàng Thị Chân, một toán đi về phía chùa, nơi phối thờ tướng quân Hoàng Đình Thụ. Tới nơi, họ đưa bài vị và bát hương của thần lên kiệu, rước về đình để hội tế. Sáng 14, rước kiệu trả bài vị, bát nhang thần trở về nơi thờ cũ, yên vị. Có việc đưa kiệu lên chùa rước bài vị và bát nhang thần, vì ông Hoàng Đình Thụ lúc về già quy y Phật giáo, tức là đi tu cho nên được thờ cả ở chùa lẫn ở đình. Đám rước kiệu trong hội đình Phương Lâm, nhìn từ xa, cũng tương đối đông, rực rỡ sắc màu và náo nhiệt.

Khởi đầu là một tốp đình tráng làm nhiệm vụ dẹp đường, có 6 người, đi bên phải 3 người, đi bên trái 3 người. Ai nấy đều đội nón dẫu, mặc quần áo nẹp, chân quấn sà cạp, đi giày, tay cầm cái gậy gỗ dài khoảng 1m6, tiền hô hậu ứng, trông oai phong. Tiếp theo là tốp long li nhào lộn theo nhịp trống rước, có chú Tễu đi cùng, làm trò vui. Tiếp theo đến đội nghi trượng với hơn 40 cái cờ, gồm cờ Tiết, Mao, cờ Ngũ hành với 5 màu xanh, đỏ, trắng, tím, vàng tượng trưng cho năm yếu tố căn bản cấu thành vũ trụ (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Cờ Tứ linh tượng trưng cho 4 con vật thiên trong Trời - Đất (Long - Li - Quy - Phụng). Chỉ huy đội nghi trượng là một quan viên, gọi là Tổng cờ. Kế tiếp là dàn trống và chiêng. Cứ trống “tùng” là chiêng lại “beng”, gọi mở sự tác hợp Âm - Dương. Kế theo là đội chấp kích, bát bảo tượng trưng cho uy quyền của thần. Chấp kích gồm gươm, giáo, đao, thương. Bát bảo có dùi đồng, phủ việt,

đàn, sáo, lăng hoa, thư kiếm, quạt, bầu rượu, túi thơ. Đi giữa hai hàng chấp kích, bát bảo là một quan viên khoác biển đề “Thượng đẳng tối linh thần”. Các đình tráng vác chấp kích, bát bảo đầu đội nón dẫu, mặc quần áo nẹp, thắt lưng bó que, chân quấn xà cạp. Riêng vị quan viên mang biển hiệu của thần mặc áo thụng xanh, quần ống sớ, chít khăn nhiễu, trên đầu có lọng che. Kế tiếp đến phường đồng văn gồm trống bần, trống cơm, trống khau. Chũng ấy người đầu chít khăn thủ riu, quần lụa đỏ, áo lụa xanh. Cả bọn vừa đi vừa đánh theo lối trống rước. Tiếp theo là hai quan viên, một quan viên cầm guom, một quan viên cầm cờ lệnh. Cả hai đều chít khăn nhiễu hình chữ nhân, mặc áo thụng xanh, quần ống sớ, trên đầu có lọng che. Tiếp theo là phường bát âm với 8 loại nhạc cụ, vừa đi vừa tấu điệu Lưu thủy hành vân. Liền sau phường bát âm là kiệu bành do tám đình tráng khiêng và cũng có chũng ấy đình tráng dự bị đi cùng, sẵn sàng thay thế khi cần. Cả tốp đình tráng đều chít khăn lụa thủ riu, quần áo nẹp, thắt lưng bó que, chân quấn xà cạp. Trên kiệu bành có bày bài vị Thành hoàng Hoàng Đình Độ. Sau kiệu bành là hơn chục cờ Ngũ hành và cờ Tứ linh. Tiếp theo là kiệu song hành, trên có bày bài vị Thành hoàng Hoàng Đình Thụ. Khiêng kiệu là tám đình tráng và cũng mặc trang phục giống trang phục tốp đình tráng khiêng kiệu đi trước. Tiếp theo là kiệu song loan, trên có bày bài vị bà Hoàng Thị Chân do tám nữ tú thanh tân khiêng và cũng có tám cô gái son trẻ dự bị thay thế khi cần. Tốp nữ tú này đầu chít khăn thủ riu, quần áo

lụa xanh hoặc đỏ. Trong ba kiệu, chỉ có kiệu song loan có mui, cho nên không cần tàn, lọng che bên trên. Còn kiệu long đình và kiệu song hành không có mui che, do vậy mỗi kiệu đều có tàn hoặc lọng che. Sau kiệu song loan là đến đội tế nam quan đi phù giá. Cả đội chừng 20 người, chia làm hai hàng, mỗi hàng một chục người, do chủ tế và bồi tế dẫn đầu. Tiếp theo đến các quan viên kỳ mục, kỳ dịch, nam phụ lão ấu, gọi chung là dân làng. Ngày hội, ngày vui của cộng đồng làng (xã), cho nên ai cũng ăn mặc sang trọng, sạch đẹp. Mặc dù dân số không cao, lại cư trú ở vùng chiêm trũng, song đám rước thần làng Phương Lâm đông vui không thua kém đám rước thần trong hội làng Thanh Nộn, làng Lạt Sơn, làng Phương Xá gần đây.

Sau khoảng hơn một canh giờ, đám rước kiệu hội làng Phương Lâm rờng rần về tới đình. Và sau khoảng 20 phút, ổn định tổ chức, cuộc đại tế kỳ phúc, kỳ yên bắt đầu được thực hiện với tinh thần nghiêm cẩn nhất. Trong thâm tâm, ai cũng cố gắng tránh những thiếu sót không đáng có trong giờ phút thiêng trọng này. Về đại thể, diễn trình cuộc đại tế trong hội đình Phương Lâm cũng tuân theo ba bước lớn giống như cuộc đại tế ở các làng khác. Đó là:

- Sơ hiến lễ
- Á hiến lễ
- Chung hiến lễ – lễ tất.

Vì diễn trình cuộc đại tế giống với cuộc đại tế của các làng (xã) khác, cho nên không khảo tả lại. Mặc dù là hội dân gian, song một số công đoạn và nghi thức đã bị Nho giáo hoá, điển lễ hoá tương đối sâu sắc. Toàn cảnh cuộc đại tế bị quy phạm, từ trang phục đến bước đi, điệu đứng, ngôn từ đều tương tự một buổi thiết triều của nhà nước phong kiến. Khi tế lễ các chức sắc, chức dịch lại quy định trẻ em và phụ nữ không được có mặt. Điều này làm giảm thiểu tính dân chủ của hội làng. Vai trò cầm chịch của các nho sĩ với hội làng là đáng kể. Thậm chí có hội làng còn tế lễ hai hoặc ba lần trong một kỳ hội, khiến cho hoạt động này trở nên đơn điệu.

Ở hội làng Phương Lâm cũng như ở hội làng nhiều làng (xã) khác, thuộc đồng bằng Bắc bộ, lễ hội bao giờ cũng gắn liền với lễ vật và ẩm thực. Lễ vật, ngoài rượu trà, vàng hương còn có tam sinh là thịt bò, thịt dê, thịt lợn. Kinh phí mua sắm hoặc chăn nuôi lấy từ nguồn tự điền, từ bỏ xuất đình hay tiền công đức. Ba con vật dùng hiến sinh trong ngày lễ, phải được đưa đến công đình trình diện thần. Một quan viên làm rằm khăn vái thần, sau đó đem chén rượu cúng hắt vào đầu ba con vật, ngụ ý thần đã chấp nhận lễ vật. Đình tráng cứ việc đem đi làm thịt. Lệ làng quy định ba con vật được chọn cúng lễ phải là ba con đã thiến hoặc chưa sinh sản.

Đại tế kết thúc, cai đám xin ý kiến các kỳ mục, kỳ dịch rồi cho các đình tráng hạ lễ, chọn lấy những thứ được gọi là “sang” đem biểu tiên chỉ, thứ chỉ, chánh hội, lý trưởng,

phó lý. Còn bao nhiêu cỗ bàn, đình tráng chia phần các trưởng giáp đem về chia cho các xuất đình ăn lấy may. Số lễ vật còn lại mới đem làm cỗ cho các quan viên thụ hưởng tại đình. Lệ làng quy định người ngồi mâm phải tuân thủ theo độ tuổi, khoa mục. Mâm cỗ cao nhất là cỗ dành cho người đỗ đạt và hạng kỳ lão. Thứ đến mâm cỗ dành cho các kỳ dịch đương nhiệm. Thứ đến các mâm cỗ dành cho các quan viên. Cuối cùng là các mâm cỗ dành cho các đình tráng (traai lênh) của các giáp. Đây được hiểu là bữa tiệc cộng cảm của các thành viên công xã. Người tham dự vui vẻ chấp nhận vị trí, không tự ái, tự kỷ vì theo thời gian, ai cũng đến tuổi già, cần được làng xem trọng. “Triều đình trọng tước, hương đảng trọng xỉ” là như thế. “Một miếng giữa làng, một sàng xó bếp” cũng là thế. Hơn nữa, người Việt còn coi trọng sĩ diện cá nhân, một ai đó, dù làm quan làm tướng ở đâu, nhưng không được dân làng xem trọng, cũng coi như bỏ đi. Vinh ở làng, sang ở nước mới là điều người ta mong ước.

Như nhiều hội làng khác ở đồng bằng Bắc bộ, hội đình Phương Lâm có tục kiêng kị. Thứ nhất là kiêng tên húy các vị thần được làng thờ phụng. Chẳng hạn, người ta kiêng nhắc đến tên húy các vị thần như “Độ”, “Thụ”, “Chân”, “Nữ”. Thứ hai là cấm giết gia súc, gia cầm ở trong khuôn viên đình. Có thể hiểu đây là một dạng “hèm” của làng khi mở đám. Người nào vi phạm điều kiêng kị sẽ bị làng phạt nặng, không có trường hợp nào ngoại lệ.

Trong 6 ngày hội đình, bên cạnh những lễ thức, làng Phương Lâm còn tổ chức đan xen nhiều trò chơi, trò thi đấu thể thao – nghệ thuật, ngoại trừ trò diễn tuồng, chèo, hát ca trù (bao giờ Đồng Lạc có đình, Phương Lâm có hát thì mình lấy ta). Dưới đây sẽ khảo tả một số trò chơi tiêu biểu.

#### \* Bịt mắt đập niêu:

Phải thừa nhận trò bịt mắt đập niêu là trò chơi khá phổ biến trong các hội làng vùng đồng bằng Bắc bộ, trong đó có hội đình làng Phương Lâm. Chỉ riêng huyện Kim Bảng, cũng có tới dăm bảy hội làng có trò chơi này. Đó là hội lễ các làng (xã): hội đình Thượng làng Thanh Nộn; hội đình làng Lạt Sơn; hội đình làng Lạc Nhuế, tên nôm là làng Lác Đũi; hội đình Do Lễ..vv...

Diễn biến và trình tự cuộc chơi như sau: người ta chọn hai đoạn tre, mỗi đoạn dài 5 thước ta, một đầu chôn xuống đất, một đầu chỉ thiên. Nối bằng con nín giữa hai cột tre là một đoạn trúc đấng, dài 6 thước. Dưới đoạn trúc, người ta treo 3 cái niêu sành mỗi cái niêu cách nhau khoảng 1 thước rưỡi. Chúng được nối với đoạn trúc đấng, bằng dây đay. Trong 3 cái niêu sành, có niêu đựng tiền chĩnh, có niêu đựng nước lã, có niêu đựng vải lụa. Tương ứng với 3 cái niêu, có 3 người cùng được vào đập một lúc. Từ chỗ người chơi đứng tập kết đến chỗ treo niêu ước chừng dài tới 5 mét tây.

Tham dự trò bịt mắt đập niêu khá đông người, gồm già trẻ, lớn bé, nam, phụ, lão, ấu. Nhưng đông hơn cả vẫn là

nam, nữ thanh niên. Người nào cũng có quyền vào chơi và cũng làm khán giả, miễn là tuân thủ quy định của Ban tổ chức. Dụng cụ để đập niêu là cây gậy trúc dài 1m50.

Trò chơi khá hấp dẫn. Khi trưởng ban tổ chức hô “Vào vị trí”, 3 người đều vào cùng lúc, để cho người ta dùng khăn lụa bịt mắt. Xong thủ tục, trưởng ban tổ chức hô “Bắt đầu”, cả ba đều tự định hướng, đi lò dò đến chỗ niêu treo. Ước chừng đã đến mục tiêu, người chơi giơ cao gậy trúc đập mạnh một cái. Phần lớn số người chơi đều đập mạnh vào không khí, chỉ có ít người chơi đập đúng niêu để giành được giải thưởng. Cũng có trường hợp đập trúng niêu, nước bắn tung toé, ướt lướt thướt, gây cười cho khán giả. Năm thì mười họa mới có người chơi đập trúng niêu đựng tiền và đựng lụa.

#### \* Kéo co:

Cũng như hội làng của nhiều làng (xã) thuộc đồng bằng Bắc bộ, hội đình Phương Lâm có trò thi kéo co. Phương tiện dùng kéo co khá đơn giản. Trước đây nó là một dây song thật dài, còn hiện giờ nó là một dây chão dài, dài đến mức mỗi bên có chỗ cho ba chục người bám tay vào.

Diễn trường kéo co ở ngay sân đình. Thể thức thi kéo co đơn giản: người ta dùng chổi nhúng vào vại đựng vôi đã tơi, ở thể lỏng, rồi dùng chổi rom mới nhúng vào nước vôi kê một đường đậm, làm ranh giới giữa hai bên. Thể thức chơi kéo co đơn giản, không cầu kỳ như thể thức vật dân tộc. Kéo co phải qua ba keo mới xác định được thắng thua. Bên nào thắng hai keo liên tiếp thì được công nhận là thắng cuộc. Ngược lại, bên nào thua hai keo liên tiếp thì thua



cuộc. Diễn biến trò kéo co không phức tạp song cũng đòi hỏi người chơi phải có kỹ năng, kỹ thuật, nhất là đòi hỏi người chơi phải cộng hưởng sức kéo. Cuộc chơi cần một quan viên làm trọng tài, một đình tráng đánh trống thúc. Khi trọng tài khoát tay ra hiệu “bắt đầu”, lập tức người chơi của cả hai bên đều đồng loạt kéo dây chằng về phía mình, trong tiếng hò reo, cổ vũ nhiệt tình của khán giả “dô ta”, “cô lên”. Hiệp kéo co rất căng thẳng, quyết liệt. Ai nẩy đều soãi chân, ngã người về phía sau, kéo thật mạnh. Tất nhiên, dù có căng thẳng và quyết liệt đến đâu, cuối cùng cũng phải ngã ngũ bên thắng, bên thua. Bên thắng được làng thưởng mấy quan tiền và mấy vuông lụa. Bên thua cũng được làng thưởng nhưng giá trị thấp hơn so với bên thắng. Phần thưởng không lớn, chỉ mang ý nghĩa tượng trưng là chính. Nhưng cả người chơi lẫn khán giả đều thấy vui. Qua trò kéo co, người dân hy vọng được gió thuận mưa hoà, mùa màng tươi tốt, nhân khang vật thịnh. Hội làng thêm đông vui do có trò kéo co. Mở rộng tầm nhìn người ta sẽ thấy trò kéo co là trò phổ biến của nhiều làng quê vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ. Đó là các làng: Tích Sơn (huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc); Thụy Sơn, Hội Trung, Trung Hoà (huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam); làng Cháp (Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh)... Trò kéo co không mai một theo thời gian, mà càng ngày càng phổ biến trong các hội làng.

Trò kéo co bao chứa bên trong nhiều ý nghĩa. Trước tiên, nó là môn thể thao để rèn luyện sức khoẻ. Nhưng sâu

thẳm hơn, nó là hình thức tái hiện lại võ công của các vị Thành hoàng khi còn sinh thời, theo Lý Thường Kiệt bình Tống phạt Chiêm.

#### \* Vật dân tộc:

Ngoài trò bịt mắt đập niêu, trò kéo co, hội đình Phương Lâm còn có trò vật dân tộc. Đây là trò phổ biến ở khu vực Bắc bộ, hầu như hội làng nào cũng có, chỉ khác nhau về quy mô và thể thức, thu hút được nhiều hay ít khán giả. Không chỉ người lớn mà trẻ con cũng thích xem đấu vật. Lực lượng này đóng vai trò cổ động viên rất nhiệt thành.

Quy mô trò đấu vật trong hội đình Phương Lâm không lớn vì chỉ có các đô vật của làng tham dự. Thể thức đấu vật ở đây không khác thể thức đấu vật ở nhiều nơi khác, cho nên không khảo tả lại. Do không nhiều đô vật dự tranh giải, ban tổ chức cho phép đấu loại trực tiếp vòng đầu để loại bớt những đô kém quá đi. Những đô thắng vòng đầu được vào dự vòng hai để tranh giải ba. Những đô đấu vật thắng ở vòng ba mới được đấu tranh giải Nhì. Rồi những đô thắng ở vòng bốn mới được đấu tranh giải Nhất.

Đô vật, khi vào cuộc, chỉ cởi trần đóng khố cho tiện thao tác. Trước lúc vật, họ đều phải ngoảnh vào đình vái mấy vái rồi mới vào cuộc tỉ thí. Lễ xin phép Thành hoàng xong, hai đấu thủ mới xe đài và xông vào nhau. Lúc đầu họ còn vờn nhau, thăm dò. Trống thúc liên hồi. Họ dùng đủ các “miếng” để thắng đối thủ. Nào là miếng “ngáng”, miếng “đệm”, miếng “bốc”, miếng “gồng”, miếng “bò”.

Nào là miếng “kheo”, miếng “gỳ”, miếng “bò”. Lệ làng quy định các “đô” không được dùng miếng độc gây chết người. Ai vi phạm sẽ bị làng xử lý nặng. Kết thúc trò vật, trọng tài thay mặt làng trao phần thưởng cho các đô. Tuy theo từng loại giải mà có những phần thưởng to nhỏ khác nhau. Dù to hay nhỏ thì phần thưởng cũng chỉ mang tính chất tượng trưng là chính. Song các đô và cả gia đình họ đều phấn khởi, tràn đầy hy vọng một năm mới phúc lộc dồi dào, nhân đa vật thịnh. Nhiều khả năng trò vật này là hình thức tái hiện lại hoạt động luyện quân hoặc hoạt động chiến đấu của hai vị thần lúc sinh thời.

Không chỉ có trò vật dân tộc mà hội đình Phương Lâm còn có trò tổ tôm điểm, cờ người, tam cúc điểm... Mấy trò chơi này góp mặt trong hầu hết các hội làng, cho nên không khảo tả, đánh giá lại.

#### \* **Nắm bái tướng:**

Cụ Trần Văn Tắc và nhiều bậc cao niên làng Phương Lâm cho biết, trước đây phía trước đình có một gò đất, cây cối che phủ rậm rạp. Cứ đến đêm ba mươi Tết, đêm chính hội của làng, có một con hổ to từ rừng về, phủ phục ở đó, đầu hổ chầu vào gian trung tâm của đình. Tới gần sáng nó mới về rừng. Lúc đầu dân làng rất sợ, không ai dám đến gần. Sau đó, thấy nó hiền lành, không vồ người, cũng không bắt gia súc gia cầm, họ mới quen dần. Người dân gọi gò đất kia là “Nắm bái tướng”, lại cho rằng con hổ kia là lính hầu của hai vị Thành hoàng. Chính vì thế, cứ đến đêm ba mươi và đêm

chính hội, họ đem thịt lợn hay thịt chó cho hổ ăn. Người dân còn nói, hễ năm nào hổ không về, hoặc có về mà không ăn thịt thì năm ấy mùa màng thất bát, gia súc gia cầm toi dịch nhiều.

Có một lần, không hiểu vì sao, hổ mò đến tận “cánh đồng bò” của làng Chanh kiếm ăn. Dân làng Chanh liền đánh chết, lột da, làm thịt. Biết tin ấy, dân làng Phương Lâm sang làng Chanh xin chuộc bộ da hổ đem về thờ ở đình. Mỗi năm, cứ đến dịp Tết niên hay hội đình, người ta nhồi trấu vào da hổ, rồi đem ra đặt ở Nắm bái tướng, nhằm gọi lại tục cúng hổ ngày xưa...

Cuộc vui nào rồi cũng đến hồi kết. Sau 6 ngày hội đầu năm thiêng liêng, đông vui, sôi động, trang trọng, hội đình Phương Lâm kết thúc vào ngày 14 tháng Giêng. Quan viên, dân chúng lễ tạ thần, đóng cửa đình, ai về nhà nấy. Giã hội, song lòng người không nguôi náo nức. Trong chiều sâu tâm hồn, người dân Phương Lâm mong mỗi đến kỳ hội năm sau, để lại được sống động cùng các nghi thức, nghi lễ, trò hội vừa thiêng trọng vừa đông vui của quê hương mình.

## PHỤ BẢN

### TRÒ BOI CHẢI TRONG HỘI DẬM QUYỀN SƠN

Là một thành tố quan trọng và hữu cơ cấu thành lễ hội Hát Dặm, trò boi chải - một trò thi đấu - thể thao rất lớn, rất đông vui, hầu như năm nào cũng chỉ diễn ra vào buổi sáng ngày mồng sáu tháng hai âm lịch - ngày lễ Đại kỳ an, ngày “việc làng” của dân chúng Quyền Sơn, trên khúc sông Đáy dài khoảng hai ki lô mét, gần như song song với trò múa hát Dặm ở đình làng, từ 8 giờ đến 10 giờ 30, trước cửa Đền Trúc. Diễn trường boi chải kéo dài từ cửa Đền Trúc đến chân cầu Quế (trước đây là cầu bương tre) và ngược lại, dọc theo bờ hữu sông Đáy. Điểm đầu và điểm cuối diễn trường boi chải, người ta cho cắm cọc tre dài, đầu cọc sơn đỏ, nhô cao hơn mặt nước chừng một mét tây để làm mốc. Cạnh bờ sông, nơi cửa Đền Trúc có dựng một lá cờ thần lớn, màu xanh, đỏ, trắng, vàng, xếp thành bốn hình vuông bọc lấy nhau, vạch đỏ ở ngoài cùng, vạch trắng ở vị trí thứ hai, vạch xanh ở vị trí thứ ba, vạch vàng ở trong cùng. Lá cờ đại này được thêu thùa rất công phu, có dải phướn bay phấp phới.

Lệ làng Quyển từ xưa quy định, trò múa hát Dậm chỉ giành cho nữ thanh niên son trẻ, thanh tân, còn trò bơi chải dưới sông thì chỉ giành cho nam thanh niên cũng còn thanh tân, son trẻ. Quy định ấy vô tình đã tạo ra biểu tượng cặp đôi Âm - Dương, Nước - Cạn cho lễ hội, khiến nó thêm sâu sắc ý nghĩa văn hóa. Mỗi năm làng tổ chức bơi chải một lần, mỗi lần có bốn thuyền tham dự thi đấu và có một thuyền giám khảo, làm trọng tài, (giống như hội bơi chải làng Đăm (Tây Tụ) ngoại thành Hà Nội, như hội bơi chải làng Vạc xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá, tổng số có năm thuyền. Trên thuyền giám khảo có sáu người, gồm một vị giám khảo do một quan viên đảm nhiệm, cùng một trai bơi cầm lái và bốn trai bơi. Vị giám khảo, mặc quần áo lụa xanh, thắt lưng đỏ, đầu chít khăn nhiễu đỏ hình chữ nhân, nai nịt gọn gàng, trông oai phong và có dáng dấp người chỉ huy thủy quân trên chiến trường thời xưa. Còn bốn thuyền đua của bốn giáp, mỗi thuyền có ký hiệu riêng, có tất cả 13 người, trong đó có một người cầm mõ chỉ huy chung, một người cầm lái, một người cầm cờ đuôi nheo, mười trai bơi ngồi chia đều làm hai hàng theo hai mạn thuyền. Trừ vị giám khảo cao tuổi hơn, khoảng tứ tuần trở lên, còn tất cả các trai bơi đều ở độ tuổi từ 18 đến 22. Ai nấy đều mặc quần đùi, áo cột tay màu xanh hoặc màu đỏ, thân hình vạm vỡ, nhanh nhẹn, tháo vát. Trên tay mỗi trai bơi đều cầm một cái dầm gỗ, dùng làm mái chèo.

Khoảng năm chục năm trở lại đây, cách tổ chức bơi chải, trang phục của các trai bơi có thay đổi so với trước kia. Số thuyền tham gia dự thi không nhất thiết là bốn mà có thể là

năm hay sáu chiếc, do tổ chức "giáp" không còn tồn tại nữa. Các đội đua cũng ăn vận quần áo khác nhau. Chẳng hạn, đội thuyền đua thứ nhất, các trai bơi đều đội mũ vải đỏ, áo cột tay màu trắng, quần đùi màu xanh thẫm, thắt dây lưng đỏ. Đội đua thứ hai, các trai bơi đều đội mũ vải xanh, áo cột tay xanh thẫm, quần đùi màu trắng, thắt dây lưng xanh. Đội đua thứ ba, các trai bơi đều đội mũ vải vàng, áo cột tay màu đỏ, quần đùi màu trắng, thắt dây lưng vàng v.v... Thuyền đua chải hiện nay cũng khác xưa nhiều. Thân thuyền làm bằng gỗ chịu nước, chịu mưa nắng, dài tới 8 mét tây, đầu và đuôi thuyền thiết kế hơi vuông. Phía đầu mũi thuyền có cắm mảnh gỗ hình đầu rồng và lá cờ đuôi nheo. Mỗi thuyền có tới 19 người, trong đó một người thổi còi chỉ huy chung, một người cầm lái, một người gõ mõ làm nhịp, 16 tay chèo ngồi chia đều thành hai hàng ở hai mạn thuyền. Tuổi của trai bơi có thể tới 30 và có thể có gia đình riêng.

Từ sáng sớm ngày mùng sáu, trai bơi của bốn giáp đã tề tựu đầy đủ ở Đền Trúc. Một quan viên dẫn họ vào gian trung tâm làm lễ trình diện thần. Bái thần xong, tất cả đều đi ra bờ sông Đáy, nơi có thuyền đua neo đậu từ chiều hôm mùng năm. Lúc này, dân chúng đến xem và cổ vũ bơi chải đã rất đông, ồn ào, nhộn nhịp. Theo sự hướng dẫn của thuyền trưởng, các trai bơi lần lượt xuống thuyền của giáp mình.

Đúng giờ quy định, chiêng trống nổi lên ba hồi ba tiếng, pháo nổ ròn rã. Bốn thuyền đua đại diện cho bốn giáp bắt đầu vào vị trí xuất phát, trong tiếng hò reo vang dậy của

dân chúng. Các trai bơi đều phần chân, hồi hộp, căng thẳng, chăm chú nhìn vào nơi thuyền giám khảo. Cuộc đua tiến hành theo thể thức loại trực tiếp, qua hai vòng xuôi, ngược. Điểm xuất phát ấn định trước cửa Đền Trúc, đến cầu Quê thì vòng ngược trở lại điểm xuất phát. Thuyền nào về đích trước tiên, coi như thắng cuộc. Thuyền nào về đích thứ hai đoạt giải nhì. Các thuyền về đích chậm hơn coi như thua cuộc.

Khi chiếc cờ đuôi nheo trên tay đang giơ cao quá đầu của vị giám khảo chém mạnh xuống không khí, cuộc đua lập tức diễn ra. Cả bốn con thuyền đều lao đi như tên bắn. Theo nhịp mõ réo, các trai bơi sải dầm xuống nước, động tác nhanh, mạnh, dứt khoát. Các bắp tay nổi cuộn cuộn. Tiếng dầm xé nước rào rào, sôi sục. Bọt sủi trắng xoá. Tiếng reo hò cổ vũ ầm ĩ, vang dội cả một vùng quê. Không khí trường đấu sôi động, rộn rã, khiến cả người xem thi đấu lẫn người thi đấu đều đắm mình trong cảm xúc lâng lâng khó tả. Đó là những phút giây họ thăng hoa tinh thần cao độ. Phảng phất đâu đây hơi hướng sử thi hào hùng của cuộc hành quân đường thủy phạt Tống bình Chiêm do Lý Thường Kiệt chỉ huy giữa thế kỷ XI. Niềm tự hào trào dâng trong mỗi con người.

Kết thúc cuộc thi bơi chải, thuyền đoạt giải nhất và thuyền đoạt giải nhì sẽ được một vị chức sắc của làng trao giải, ngay trên sân Đền Trúc, nhằm khen thưởng, động viên kịp thời. Phần thưởng cho những thuyền thắng cuộc thường là tiền quan và vải lụa. Thuyền về nhất được làng thưởng cho 5 quan tiền, chục vuông nhiễu. Thuyền về nhì

được làng thưởng cho 3 quan tiền, bảy vuông nhiễu. Các thuyền không đoạt giải được uỷ lạo bằng 3 vuông lụa để động viên năm sau cần cố gắng. Giá trị vật chất của phần thưởng không đáng kể, chỉ mang ý nghĩa tượng trưng là chính. Song giá trị tinh thần của nó lại rất lớn. Đối với các đội bơi chải nói riêng, đối với cả dân làng Quyển nói chung, chuyện thắng thua không phải là vấn đề chính. Vấn đề chính đối với họ là đã cống hiến hết mình cho thần linh, cho cộng đồng, hy vọng sẽ có một năm mới an khang, thịnh vượng. Hiểu theo nghĩa này thì cuộc thi bơi chải làng Quyển không có kẻ thất bại tuyệt đối. Có lẽ vì thế mà người dân nơi đây tin rằng, năm nào làng họ không tổ chức thi bơi chải được thì năm đó dân chúng hay đau ốm, mùa màng thất bát, làm ăn luẩn quẩn. Suy nghĩ ấy có nhiên không mang tính khoa học, nhưng nó gợi ý cho chúng ta thấy mối liên hệ mật thiết, máu thịt giữa bơi chải với tâm linh người dân Quyển Sơn xưa nay.

Tìm hiểu trò bơi chải đầu xuân hàng năm trong hội Dặm làng Quyển, từ góc độ văn hóa dân gian, chúng tôi thấy có nhiều lớp văn hóa che phủ, thậm chí còn đan xen vào nhau, không dễ bóc tách. Vận dụng phương pháp loại hình, nhiều nhà nghiên cứu văn hóa của chi hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tỉnh Hà Nam có thể thống nhất bóc tách việc bơi chải trong hội Dặm thành mấy lớp nghĩa, lớp văn hóa sau:

- Lớp văn hóa đương đại: bơi chải được nhìn nhận như một hoạt động thi đấu - thể thao. Đây là lớp văn hóa

muộn, hầu hết dân chúng đều có thể nhận diện được một cách dễ dàng<sup>(1)</sup>

- Lớp văn hóa trung đại: cuộc thi bơi chải được nhìn nhận như là hành động tưởng niệm, mô phỏng, tái hiện cuộc hành quân đường thủy của quân đội Đại Việt, thời Lý, ở thế kỷ XI, dưới sự chỉ huy của danh tướng Lý Thường Kiệt nhằm bình Tống phạt Chiêm, bảo vệ nền độc lập của đất nước, trên tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. Theo chúng tôi suy nghĩ, ngoài mục đích tưởng niệm, mô phỏng, tái hiện cuộc hành quân đường thủy do Lý Thường Kiệt chỉ huy, mà ai cũng biết, thì cuộc thi bơi chải trong hội Dặm còn gợi liên tưởng đến sự trường tồn và về cái thiêng liêng, cao quý. Có thể nhận biết điều này qua hoa văn trang trí hình rồng trên các mũi thuyền đua. Trong tâm thức người Việt, con rồng là biểu tượng cho sự cao quý, linh tượng của vua, của quyền uy. Rồng trong trí tưởng tượng dân gian, có thể sống dưới nước, nhưng có thể bay nhảy trên mây, dù không có cánh. Cho nên nó tượng trưng cho sự mềm dẻo, linh hoạt của người dân nông nghiệp. Đặc biệt, rồng có liên quan đến quy (rùa), li (lân),

---

(1) Xin xem Đua thuyền trong lễ hội làng Quyền Sơn - Phạm Quốc Toàn, tạp san "Văn hoá thông tin Hà Nam" số Xuân năm 2002. Chúng tôi sử dụng lại mấy luận cứ trong bài này để làm cơ sở rút ra những nhận định riêng, sâu hơn về ý nghĩa văn hoá của trò bơi chải trong hội Dặm làng Quyền, theo kiểu tam đoạn luận, công nhận cái A để tiến tới phát hiện cái B và cái C.

phụng (phượng), hợp thành tứ linh Long, Li, Quy, Phụng - một thang bậc giá trị văn hóa của người Việt cổ. Điều này góp phần giải thích vì sao rồng (Long) xuất hiện phổ biến trong kiến trúc cung đình, trong kiến trúc đình, chùa, đền, miếu, phủ từ Bắc tới Nam. Hơn nữa, hình tượng rồng còn gợi liên tưởng đến Lạc Long Quân - ông tổ của người Việt cổ qua truyền thuyết khai sáng *Lạc Long Quân và Âu Cơ* - tức là gợi nhớ về nguồn gốc và tổ tiên của người Lạc Việt.

- Lớp văn hóa cổ đại: cuộc bơi chải được nhìn nhận như một hành động tín ngưỡng nhằm cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, người và vật thịnh vượng của cư dân nông nghiệp lúa nước vùng đồng bằng sông Hồng. Vì sao? Vì đối với cư dân vùng đồng bằng, con thuyền là phương tiện đi lại, làm ăn chủ yếu. Vì con rồng là biểu tượng về nước - một khâu cơ bản trong chu trình sản xuất nông nghiệp "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống". Đây cũng là nguyên nhân nảy sinh tục bơi chải xuất hiện phổ biến ở nhiều nơi trên nước ta và hầu khắp các quốc gia Đông Nam Á như Căm Pu Chia, Thái Lan, Malaixia, Philippin, Indônêxia... Tìm hiểu trên thực địa, những vùng này đều là trung tâm trồng cây lúa nước hoặc là vùng vựa chải của ngư dân, bao gồm cả dân tộc Kinh lẫn dân tộc Chăm, Khơ - Me, Mã Lai đa đảo...

- Lớp văn hóa tối cổ, ít nhiều có liên quan đến tín ngưỡng phồn thực, đến triết lý Âm - Dương của các cư dân nông

nghiệp Đông Nam Á tiền sử <sup>(1)</sup>. Trong hội Dậm, bơi chải không diễn ra riêng lẻ, mà song hành với múa hát Dậm ở đình làng. Nếu bơi chải hoàn toàn do nam giới thực hiện, mang tính Dương thì hát múa Dậm hoàn toàn do nữ giới thực hiện, mang tính Âm. Cả hai tạo thành biểu tượng cặp đôi Âm Dương. Sự giao thoa giữa Âm - Dương dẫn đến sinh sôi nảy nở, nhân khang vật thịnh, ngô lúa bội thu. Bởi thế, chúng tôi dự đoán, có nhiều khả năng tục bơi chải và tục hát múa Dậm là sự thăng hoa, biến cải của triết lý Nam - Nữ, Cạn - Nước thời xa xưa, sau được lịch sử hoá, nghi lễ hoá thành lễ hội lịch sử - phong tục làng Quyển. Các tài liệu lịch sử - văn hóa, cũng như một số công trình khoa học xã hội - nhân văn do các nhà khoa học có uy tín viết gần đây như *Tìm về bản sắc văn hóa dân tộc* của Phó Giáo sư - Tiến sĩ khoa học Trần Ngọc Thêm; *Cơ sở văn hóa Việt Nam* do Giáo sư Trần Quốc Vượng chủ biên; *Việt Nam - cái nhìn địa - văn hóa*, *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm* của Giáo sư Trần Quốc Vượng; *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng tín ngưỡng ở Việt Nam* do Phó Giáo sư - Tiến sĩ Ngô Đức Thịnh chủ biên; *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hoá Đông Nam Á* do Giáo sư Đinh

---

(1) Đông Nam Á tiền sử là vùng đất rộng, bao gồm Đông Nam Á ngày nay, cộng thêm toàn bộ vùng đất phía nam công Dương Tử (Trường Giang); nơi có khối dân cư Bách Việt sinh tụ. Khoảng 300 năm trước Công nguyên, nhà Tần đem quân thôn tính, rồi sát nhập phần đất phía nam sông Dương Tử vào Trung Quốc.

Gia Khánh biên soạn; *Góp phần tìm hiểu văn hóa - tộc người* do Phó Giáo sư Từ Chi (tức Trần Từ) viết, đều thống nhất khẳng định rằng, tín ngưỡng phồn thực đã nảy sinh, phát triển từ khi con người còn sống trong thời đại nguyên thủy, trình độ nhận thức còn rất mông muội, thấp kém. Con người khi ấy nhìn nhận, hình dung sự phát triển của thế giới tự nhiên và xã hội như là hệ quả tất yếu của hành động tính giao nam - nữ vậy. Quan niệm phồn thực chi phối con người mạnh đến mức người ta liên tưởng quan hệ giữa Trời và Đất, Dương và Âm, thậm chí còn “nhân hoá” cả lực lượng tự nhiên như đất trời, sông núi theo hình mẫu vợ chồng: cha Trời - mẹ Đất, theo cấu trúc Trời tròn (Dương) - Đất vuông (Âm). Người Lạc Việt làm bánh chưng (vuông) và bánh dày (tròn) cũng có liên quan đến quan niệm trên. Mãi đến những năm cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, tín ngưỡng phồn thực vẫn còn chi phối mạnh đến tư duy hình tượng của Nguyễn Gia Thiều, khi ông viết:

“*Có âm dương, có vợ chồng*

*Dẫu là trời đất cũng vòng phu thê*”<sup>(1)</sup>

Trải qua nhiều năm tháng với nhiều tuần hoàn đắp đổi, nhiều thăng trầm lịch sử, tín ngưỡng phồn thực có nhiều biến cải, tùy theo từng địa phương, từng dân tộc cụ thể (Việt, Chăm, Khơ Me) mà nó có những dạng thức tồn tại

---

(1) Dẫn theo *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* - Ngô Đức Thịnh chủ biên, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.

cụ thể khác nhau, như Đục - Cái, Nỗ - Nường, Ông Đùng - Bà Đà (Việt, Mường đều có); Vuông - Tròn (Việt); Cạn - Nước; Linga - Yuni (Chăm); Bánh trung - Bánh cuốn (lễ hội làng Dị Nậu, tỉnh Phú Thọ)..., rồi mai một dần và mất dần do sự xuất hiện của tư duy khoa học. Cuối cùng, nó chỉ còn tồn tại rất mờ nhạt trong đời sống văn hóa - tinh thần đương đại, mà trò boi chải và trò múa hát Dậm là một biểu hiện. Tất nhiên, giữa boi chải và hát múa Dậm với các biểu tượng Đục - Cái, Âm - Dương, Nỗ - Nường có một khoảng cách rất xa xôi về cách hiện diện. Điều này không có gì lạ, bởi một bên là biểu tượng rất gần với hình mẫu sinh thực khí nguyên sơ (Đục - Cái; Nam - Nữ, Nỗ - Nường), còn một bên là biểu tượng cùng loại nhưng đã được cách điệu hoá, nghệ thuật hoá, lịch sử hoá cao độ. Dạng thức biểu hiện khác nhau song lại đồng tâm, đồng trục. Suy ngẫm cho kỹ, trò boi chải và múa hát Dậm trong lễ hội truyền thống làng Quyển đều trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến triết lý “lưỡng phân lưỡng hợp” của người xưa. Một cái nhìn hời hợt rất dễ dẫn đến phủ định mối tương quan ngầm giữa chúng, và hệ quả tất yếu dẫn đến là không nhận diện được lớp văn hóa cổ, tối cổ che phủ đối tượng.

Giữa trò (tục) boi chải làng Quyển Sơn với trò (tục) boi chải ở một số làng quê khác như boi chải làng Đăm, boi chải làng Đồng Xâm, boi chải làng Sa Lãng (đều ở ngoại thành và xung quanh Hà Nội); boi chải hội chùa Keo (Thái

Bình); boi chải trong lễ hội làng Cự Nham, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, boi chải trong lễ hội đền Mung xã Trung Thành, huyện Nông Cống, cũng tỉnh Thanh Hoá; hội đua ghe Ngo ở đồng bằng sông Cửu Long của dân tộc Khơ Me vv... có những điểm giống nhau và khác nhau do tập quán từng nơi khác nhau chi phối.

Về những điểm giống nhau, có thể thấy:

- Tất cả các cuộc thi boi chải đều được tiến hành với mục đích cầu mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt, nhân khang vật thịnh.

- Tất cả các cuộc thi boi chải đều gắn với tín ngưỡng thờ thần mà chủ yếu là thủy thần hoặc có hành trạng liên quan đến sông nước, do đó gắn với lễ hội và hội làng. Thí dụ, boi chải làng Đăm là để tưởng niệm Thánh Tam Giang (thực chất là thờ rắn nước, thường luồng được linh hoá - một biến dạng của Ông Cộc - Ông Dài trong truyền thuyết dân gian, sau được lịch sử hoá thành Quan lớn Tuần Tranh); boi chải làng Hạ Cát (Đan Phượng, Hà Tây) là ôn lại cuộc luyện thủy quân của Hai Bà Trưng; boi chải chùa Keo là để biểu dương công đức Thiền sư Không Lộ - người mà tương truyền đã sáng lập ra nghề đúc đồng Việt Nam; boi chải xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ít nhiều liên quan đến hành trạng ngư thần Vũ Cốc; boi chải làng Quyển nhằm tưởng niệm và tái hiện cuộc hành quân đường thủy chinh phạt Chiêm Thành của Lý Thường Kiệt...



Về những điểm khác nhau, có thể thấy:

- Trò bơi chải của làng Quyển, làng Sa Lãng, làng Hạ Cát, chùa Keo, làng Cự Nham chỉ được tổ chức theo quy mô làng, còn trò bơi chải làng Đăm (ngoại thành Hà Nội), làng Vạc (xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá), trò đua ghe Ngo của dân tộc Khơ Me Nam bộ lại được tổ chức theo quy mô liên làng, quy mô vùng. Làng Đăm (Tây Tụ) xưa rất rộng, gồm ba thôn là thôn Thượng, thôn Trung, Thôn Hạ, thực ra là ba làng, cùng thờ chung Thánh Bạch Hạc Tam Giang. Làng Vạc huyện Thiệu Hoá, Thanh Hoá xưa cũng gồm 5 làng là: Cổ Đô Thượng, Hồng Đô, Thọ Sơn, Yên Tân, Phú Văn. Cả năm làng đều thờ chung ba vị thần, gồm Đức Thánh Cả, Linh Quang Đại Vương, Tô Đại Lưu ở một cái nghề gọi là Nghề làng Vạc. Hội đua ghe Ngo vùng đồng bằng Nam bộ do hàng chục phum sóc cùng tham gia.

- Tính chất đua tranh của trò bơi chải từng làng quê cũng khác nhau do môi trường sống và phong tục từng làng quy định. Thí dụ, thuyền đua làng Sa Lãng, một làng giáp ranh giữa Hà Nội và Hà Tây, phải bơi ngang sông Hồng khi nước chảy xiết, nếu không bơi nhanh sẽ bị cuốn trôi, lâu về tới đích; thuyền đua làng Đăm, trong khi bơi, người điều khiển phải dùng nhiều động tác kỹ thuật phức tạp như bóng thuyền (đẩy, chen thuyền đua bạn lấy chỗ cho thuyền mình), dóc thuyền (lướt thuyền, vuốt góc thuyền bút lên mà không va vào thuyền đua bạn), lạng thuyền

(kỹ thuật chông, đẩy thuyền bạn, không cho thuyền bạn chạm vào thuyền mình). Trong khi đó thì thuyền đua làng Quyển phải bơi dọc theo khúc sông Đáy hai vòng, mỗi vòng dài khoảng 2000 mét, nếu các trai bơi không sải dầm nhanh, quyết liệt ngay từ đầu thì rất dễ bị thua cuộc. Một ví dụ khác, theo tác giả Toan Ánh trong *Nếp cũ hội hè đình đám*<sup>(1)</sup>, cũng như theo tác giả Lê Xuân Lý trong tiểu luận *Lễ hội bơi chải làng Đăm*<sup>(2)</sup>, một làng quê ở huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, có tổ chức thi bơi chải vào mùa xuân, trước khi các thuyền đua xuất phát, ban chỉ đạo hội lễ đã cho đục một lỗ nhỏ ở đáy mỗi chiếc, buộc các thủy thủ phải sải dầm nhanh, nếu không muốn thuyền mình bị đắm. Cuộc đua chải do thế mà trở nên sôi động, quyết liệt hơn.

- Cách trang trí thuyền đua từng làng quê cũng khác nhau. Thuyền đua làng Quyển trang trí hoa văn hình đầu rồng. Thuyền đua làng Đăm (Tây Tụ), Từ Liêm, Hà Nội trang trí hình con rùa, con đĩa, con hạc. Ghe Ngo của dân tộc Khơ Me (đồng bằng sông Cửu Long) trang trí hình rồng, rắn hoặc cá sấu. Còn thuyền đua của các làng chải ven biển thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hoá, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định... phần lớn trang trí

(1) Sách đã dẫn

(2) Lê Xuân Lý - Nguyễn Thị Chung: Sinh hoạt văn hoá dân gian ở một làng ven đô - Nxb Văn hoá Thông tin, năm 2003.

hình cá. Cách trang trí thuyền đua ở từng địa phương là do môi trường sống cụ thể gợi ý và quy định.

- Hầu hết các trò bơi chải ở các địa phương đều gắn với một hội làng cụ thể và thường bị che phủ bởi nhiều lớp văn hóa.

- Nếu mở rộng so sánh, chúng tôi thấy giữa lễ hội Hát Dặm làng Quyển với hội Dóng ở làng Phù Đổng, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (nay là huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), cũng có đôi nét giống nhau, liên quan đến triết lý Âm Dương của người Việt cổ. Đó là, ở hội Dặm, có trò múa hát Dặm do toàn nữ giới đảm nhiệm (Âm) và trò bơi chải hoàn toàn do nam giới thực thi (Dương). Ở hội Dóng, khi tái hiện chiến công đánh giặc Ân của Thánh Dóng, người ta bao giờ cũng tổ chức quân sĩ do Xung Thiên Thần Vương chỉ huy toàn là nam giới, trai tráng, sung sức, biểu tượng cho yếu tố Dương. Ngược lại, quân tướng giặc Ân bao giờ cũng gồm 28 nữ tướng từ 10 đến 13 tuổi, lực lượng yếu kém hơn, biểu tượng cho yếu tố Âm. Qua đó, đủ thấy triết lý Âm Dương, ngũ hành sinh khắc có ảnh hưởng rất sâu sắc đến lễ hội truyền thống của người Việt cổ.

- Trò bơi chải trong hội Dặm làng Quyển là một nét riêng trong tổng thể văn hóa truyền thống chung của Việt Nam và Đông Nam Á, do các cư dân vùng này đều là dân nông nghiệp, có tục bơi chải mùa xuân hay mùa thu để cầu

mùa, cầu mưa nắng thuận hoà<sup>(1)</sup>. Cùng với hoạt động tế lễ, múa hát Dặm, trò bơi chải trong hội Dặm làng Quyển rất náo nhiệt, vui nhộn, có sức lôi cuốn rất lớn với người dân sở tại. Thiếu trò bơi chải, hội Dặm làng Quyển sẽ tẻ nhạt đi rất nhiều. Không phải ngẫu nhiên mà dân ca và ca dao làng Quyển có câu:

*“Quyển Sơn vui thú nhất đời*

*Dốc lòng trên Dặm dưới bơi ta về”*

Ở mức độ nào đó, phải thừa nhận câu ca dao đã chỉ ra đúng một trong ba thành tố rất quan trọng cấu thành lễ hội Hát Dặm, đó là tế lễ, múa hát Dặm và bơi chải. Lễ hội Hát Dặm Quyển Sơn có sức sống bền lâu trước thời gian, một phần lớn là nhờ có sự kết hợp giữa ba thành tố trên.

---

(1) Riêng hội bơi chải của dân tộc Khơ Me Nam bộ được tổ chức vào tháng tư âm lịch. Đây chính là tháng khởi đầu cho mùa mưa, mùa sạ lúa của nông dân đồng bằng sông Cửu Long. Điều này chứng tỏ hội đua ghe Ngo do dân tộc Khơ Me thực hành là hình thức cầu mưa, cầu mưa thuận gió hoà - yếu tố tối cần thiết của nghề nông trồng lúa nước. Mở rộng tầm quan sát, chúng ta sẽ thấy vào thời điểm đó, dân tộc Lào Lùm của nước Lào, dân tộc Thái của Thái Lan cũng thực hành hội té nước với qui mô rất lớn, đông vui nhằm cầu mong mưa thuận gió hoà. Thực tế ấy chứng tỏ các lễ hội vùng Đông Nam Á dù ít, dù nhiều đều có liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp.

## PHỤ LỤC ẢNH

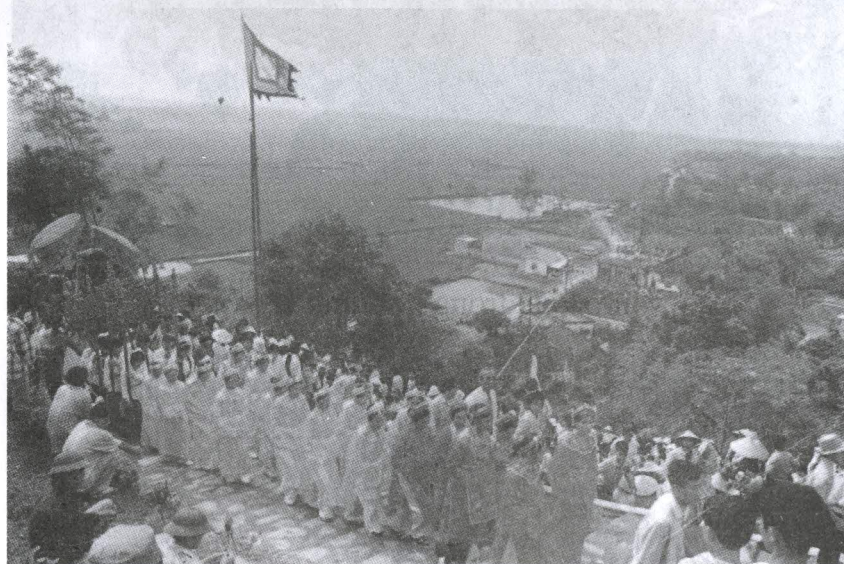


Rước kiệu trong hội đình Lạt Sơn





Rước kiệu trong hội làng. Ảnh: Nguyễn Chánh



Rước kiệu trong hội làng Ảnh: Vũ Dũng



Rước nước trong hội đền Trần Thương.

Ảnh: Nguyễn Chánh



Hội Tịnh điền Đại Sơn. Ảnh: Nguyễn Văn Nhuận





Múa lân trong hội làng ảnh: Nguyễn Chánh



Hát giao duyên trong hội chùa đội Sơn. Ảnh: Đỗ Văn



Tế lễ trong hội Dậm. Ảnh: Hồ Văn



Hội làng

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đào Duy Anh: *Văn hoá Việt Nam sử cương* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
2. Toan Ánh : *Nếp cũ- Con người Việt Nam* -Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
3. Toan Ánh : *Nếp cũ- Tín ngưỡng Việt Nam* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
4. Toan Ánh : *Nếp cũ- Hội hè đình đám* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
5. Toan Ánh : *Phong tục Việt Nam* - Nxb Khai Trí Sài Gòn 1964.
6. Lê Hữu Bách: *Hát Dặm quyền sơn, một loại hình nghệ thuật nguyên hợp* - Tạp chí Văn hoá TT Hà Nam số 6/1998.
7. Lê Hữu Bách: *Hát Dặm Quyền Sơn* - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 5/1998.
8. Lê Hữu Bách: *Về tín ngưỡng thời nữ thần của tỉnh Hà Nam* - Tạp chí Văn hoá TT Hà Nam số 4/2002.



9. Lê Hữu Bách: *Đôi nét về tín ngưỡng thờ Tứ pháp của tỉnh Hà Nam* - Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 5/1998.

10. Lê Hữu Bách: *Truyện dân gian Kim Bảng* - Nxb Văn hoá dân tộc Hà Nội 2003.

11. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*- Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.

12. Trần Lâm Biên: *Quanh tín ngưỡng dân dã Mẫu Liễu và điện thờ* - Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá nghệ thuật số 5/1990.

13. Trần Lâm Biên: *Chùa Việt* - Nxb Văn hoá dân tộc Hà Nội 1992.

14. Nguyễn Từ Chi (Trần Từ): *Cơ cấu tổ chức làng Việt cổ truyền* - Nxb Văn hoá dân tộc 1986.

15. Nguyễn Từ Chi: *Nhận xét bước đầu về gia đình của người Việt*. In trong *Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1996.

16. Phan Đại Doãn: *Làng Việt Nam, một số vấn đề kinh tế - xã hội* - Nxb Khoa học xã hội và Nxb Mũi Cà Mau 1992.

17. Lê Dân: *Thời cúng tổ tiên, một nét đậm trong tâm linh người Việt* - Nxb Lao động Hà Nội 1994.

18. Diệp Đình Hoa: *Tìm hiểu làng Việt* - Nxb Khoa học xã hội 1990.

19. Đỗ Thị Hào - Mai Thị Ngọc Chúc: *Các nữ thần Việt Nam* - Nxb Phụ nữ Hà Nội 1984.

20. Nguyễn Duy Hình: *Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1992.

21. Nguyễn Văn Huyền: *Góp phần nghiên cứu Văn hoá Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1996.

22. Trần Đình Hượu: *Nho giáo với tính cách là một tôn giáo*. In trong *Những vấn đề tôn giáo hiện nay* -- Nxb Khoa học xã hội 1994.

23. Trần Đình Hượu: *Đến hiện đại từ truyền thống* - Nxb Khoa học xã hội 1994.

24. Đinh Gia Khánh - Lê Hữu Tầng: *Lễ hội truyền thống trong xã hội hiện đại* - Nxb Khoa học xã hội 1994.

25. Đinh Gia Khánh: *Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hoá dân gian Việt Nam* - Tạp chí Văn học số 5/1992.

26. Đinh Gia Khánh: *Ngôi đình làng và mối quan hệ giữa Nho giáo với văn hoá dân gian* - Tạp chí Văn hoá dân gian số 4/1990.

27. Đinh Gia Khánh: *Văn hoá dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hoá Đông Nam á* - Nxb Khoa học xã hội 1993.

28. Vũ Ngọc Khánh - Ngô Đức Thịnh: *Tứ bất tử* - Nxb Văn hoá dân tộc 1991.

29. Vũ Ngọc Khánh: *Thờ cúng Thành hoàng ở đồng bằng Bắc Bộ* - Đề tài cấp bộ, Viện văn hoá dân gian 1995.

30. Vũ Ngọc Khánh: *Tín ngưỡng làng xã* -Nxb Văn hoá dân tộc 1993.

31. Vũ Ngọc Khánh: *Tiếp cận kho tàng Phôn Clo Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 1999.

32. Nguyễn Quang Lê: *Văn hoá ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam* - Nxb Văn hoá thông tin 2003.

33. Lâm Tô Lộc: *Nghệ thuật múa dân tộc Việt* -Nxb Văn hoá 1979.

34. Đặng Văn Lung: *Tam toà Thánh Mẫu* -Nxb Văn hoá dân tộc 1991.

35. Đặng Văn Lung ( Chủ biên): *Quan Họ, nguồn gốc và quá trình phát triển* - Nxb Khoa học xã hội 1978.

36. Đặng Văn Lung và Thu Linh: *Lễ hội truyền thống và hiện đại* - Nxb Văn hoá 1984.

37. Sơn Nam: *Đình miếu và lễ hội dân gian*-Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.

38. Thạch Phương và Lê Trung Vũ: *60 lễ hội truyền thống Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1995.

39. Hà Văn Tấn: *Đặc điểm phật giáo Việt Nam qua ngôi chùa trong đời sống văn hoá cộng đồng*.In trong *Những vấn đề tôn giáo hiện nay* - Nxb Khoa học xã hội 1994.

40. Tô Ngọc Thanh: *Những nguyên tắc cơ bản của âm nhạc dân gian* - Luận án tiến sĩ, Xôphia, 1987.

41. Trương Thìn:*Hội hè Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 1990.

42. Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1996.

43. Ngô Đức Thịnh: *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1993.

44. Ngô Đức Thịnh (chủ biên): *Đạo Mẫu* - Nxb Văn hoá 1995.

45. Ngô Đức Thịnh (chủ biên): *Hát Văn* - Nxb Văn hoá dân tộc 1992.

46. Ngô Đăng Thục: *Lịch sử triết học phương Đông* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1991.

47. Nguyễn Quốc Tuấn: *Thờ Thành hoàng làng Việt ở Bắc Bộ* - Tạp chí nghiên cứu văn hoá nghệ thuật số 1 và 2/1992.

48. Lê Huy Trâm - Hoàng Anh Nhân: *Lễ tục, lễ hội truyền thống xứ Thanh* - Nxb Văn hoá dân tộc 2001.

49. Đỗ Đình Thọ: *Hát Dặm Quyển Sơn* - Tạp chí Văn hoá TT Hà Nam số 45/1997.

50. Bùi Đình Thảo: *Hát Dặm Quyển Sơn* - Tạp chí sông Châu số 1/1997.

51. Nguyễn Hữu Thu : *Hát Dặm Quyển Sơn* In trong *Các lễ hội truyền thống Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 2001.



52. Trọng Văn: *Dân ca Hát Dậm Hà Nam* - Sở Văn hoá TT Hà Nam xuất bản 1998.

53. Lê Trung Vũ: *Lễ hội cổ truyền* - Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1992.

54. Trần Quốc Vượng ( chủ biên): *Mùa xuân và phong tục Việt Nam* - Nxb Văn hoá 1976.

55. Trần Quốc Vượng : *Việt Nam cái nhìn địa - văn hoá* - Nxb Văn hoá dân tộc 2000.

56. Trần Quốc Vượng: *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm* - Nxb Văn hoá dân tộc 2001.

57. Trần Quốc Vượng: *Lễ hội, một cái nhìn tổng thể* - Tạp chí Văn hoá dân gian số 1/1986.

58. Nguyễn Minh San: *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 1998.

59. Viện nghiên cứu Văn hoá dân gian: *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt nam* - Nxb Khoa học xã hội 2001.

60. Đại Việt sử ký toàn thư: Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1967- 1968.

61. Đại Nam nhất thống chí: Nxb Khoa học xã hội 1971.

62. Lịch triều hiến chương loại chí - Lễ nghi chí - Nxb Sử học 1960.

63. Một số tài liệu tham khảo khác.

## SUMMARY

Traditional village festivals in Ha Nam province - Book 1 by Le Huu Bach is a study of village festivals in Ha Nam province.

The main contents of the work includes 2 sections:

**Section one:** Overview of geographic, natural features of Ha Nam province. This part generally introduces to the origin and realistic situation of Ha Nam village festivals before 1945 and today. It also gives outline of significant features, functions social-humanities meaning of traditional village festivals. Overall, village festivals in Northern delta have interlaced rituals and festivals, combination of democratic feature in village and syncretism.

**Section 2:** Study of some significant village festivals such as Dinh Thuong festival in Thanh Non village, Dam festival in Quyen Son; communal house in Lat Son village; Le Chan temple festival; Ba Dân temple festival; Lanh Giang temple festival; Van Xa communal house festival; An Mong communal house festival; Lieu Doi wrestling festival; Tran Thuong temple festival; Chau communal house festival; O Cach communal house festival; Ba Danh pagoda festival; Nhat Tan communal house festival; Inter-villages (commune) festivals...

## MỤC LỤC

<b>PHẦN THỨ NHẤT: HỘI LÀNG CỔ TRUYỀN TỈNH HÀ NAM, MỘT CÁI NHÌN KHÁI QUÁT</b> .....	11
A. SƠ LƯỢC ĐỊA DƯ TỈNH HÀ NAM .....	12
I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ .....	12
II. DIỄN CÁCH HÀ NAM TRONG LỊCH SỬ .....	13
III. ĐỊA HÌNH .....	16
1. Đặc điểm địa hình .....	16
2. Các kiểu địa hình .....	17
3. Các khu vực địa hình .....	17
IV. KHOÁNG SẢN .....	18
V. KHÍ HẬU .....	18
VI. THỦY VĂN .....	19
1. Sông Ngòi .....	19
2. Ao, hồ, đầm, vựa .....	20
VII. THỔ NHƯỠNG .....	20
1. Nhóm đất đồng bằng .....	20
2. Nhóm đất đồi núi thấp .....	21
3. Nhóm đất trên núi đá vôi .....	21
VIII. ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH .....	22
1. Các đơn vị hành chính .....	22
2. Đơn vị tụ cư chính .....	23

B. SƠ LƯỢC NGUỒN GỐC HỘI LÀNG .....	24
C. THỰC TRẠNG HỘI LÀNG HÀ NAM .....	30
I. VÀI NÉT VỀ HỘI LÀNG HÀ NAM TRƯỚC NĂM 1945 .....	30
II. SƠ LƯỢC THỰC TRẠNG HỘI LÀNG HÀ NAM HIỆN NAY .....	31
D. MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM .....	37
1. Căn cứ vào quy mô, tầm vóc hội, có thể phân chia hội làng Hà Nam thành hai loại là.....	38
2. Căn cứ theo nội dung tư tưởng, có thể phân chia hội làng cổ truyền tỉnh Hà Nam thành các kiểu, dạng sau .....	39
3. Đan xen, tích hợp nhiều lớp văn hoá .....	42
4. Định điểm về không gian, định kỳ về thời gian....	44
5. Các hội làng đều cơ bản giống nhau về quy trình ..	44
Đ. ĐAN XEN GIỮA LỄ VÀ HỘI .....	46
E. MANG NẶNG ÂM HƯỞNG ANH HÙNG CA.....	47
I. MANG TÍNH DÂN CHỦ LÀNG MẠC .....	47
L. HỘI LÀNG MANG TÍNH NGUYÊN HỢP .....	49
M. CHỨC NĂNG HỘI LÀNG .....	49
N. Ý NGHĨA XÃ HỘI – NHÂN VĂN.....	55
1. Dạng diễn xướng tôn giáo (hội chùa Bà Đanh, hội chùa Bàu, hội chùa Vân Lâm) .....	58
2. Dạng diễn xướng tín ngưỡng dân gian .....	58
3. Dạng diễn xướng giải trí, vui chơi .....	58
4. Dạng diễn xướng “hèm” tái hiện một đặc điểm nào đó của thân khi còn sinh thời: .....	59
5. Dạng diễn xướng nghệ thuật.....	59

<b>PHẦN THỨ HAI: MỘT SỐ HỘI LÀNG TIÊU BIỂU</b>	
<b>HỘI ĐÌNH THƯỢNG LÀNG THANH NỘN .....</b>	<b>61</b>
TƯƠNG BÌNH PHÚ .....	80
HỘI DẠM LÀNG QUYÊN SƠN .....	85
HỘI ĐÌNH LÀNG LẠT SƠN .....	110
HỘI ĐỀN BÀ LÊ CHÂN .....	139
HỘI ĐỀN BA DÂN.....	157
HỘI ĐỀN LẠNH GIANG .....	182
HỘI ĐÌNH VĂN XÁ.....	205
HỘI ĐÌNH ĐÁ AN MÔNG .....	227
HỘI VẬT LIỄU ĐÔI.....	256
HỘI ĐỀN TRẦN THƯƠNG.....	277
HỘI ĐÌNH CHÂU .....	303
HỘI ĐÌNH Ô CÁCH.....	323
HỘI CHÙA BÀ ĐANH .....	344
HỘI ĐÌNH NHẬT TÂN .....	376
HỘI ĐÌNH LIÊN LÀNG (THÔN) .....	403
LƯƠNG ĐÓNG - AN LẠC - PHỦ LÃO .....	403
TRẦN CHÂU - KHÊ KHÂU - NGỌC AN.....	403
HỘI ĐÌNH PHƯƠNG LÂM .....	434
PHỤ BẢN .....	455
TRÒ BƠI CHẢI .....	455
TRONG HỘI DẠM QUYÊN SƠN .....	455
<b>PHỤ LỤC ẢNH.....</b>	<b>471</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....</b>	<b>477</b>
<b>SUMMARY .....</b>	<b>483</b>

## **NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN**

43 - LÒ ĐÚC - HÀ NỘI

ĐT: 043. 39722613

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

**LÊ TIẾN DŨNG**

*Chịu trách nhiệm bản thảo*

**VŨ THANH VIỆT**

*Biên tập:* **SONG MAI**  
*Biên tập kỹ thuật:* **NGUYỄN THẢO NHUNG**  
*Sửa bản in:* **LINH CHI**  
*Chế bản:* **CTY TNHH ĐT & SX PHÚ SON**  
*Trình bày bìa:* **CTY TNHH SX - TM HƯNG HÀ**

*Đối tác liên kết:*

**HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM**

---

**HỘI LÀNG CỔ TRUYỀN TỈNH HÀ NAM - TẬP 1**

---

In 2000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm,  
Tại Công ty Cổ phần truyền thông Đức Minh  
Số đăng ký xuất bản: 158-2014/CXB/69-07/VHTT  
Quyết định xuất bản số: 57/VHTT-KH,  
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2014.